Số 8 Yo 71 799 16 Janvier 1943

ĐẠI VIỆT

TẠP CHÍ

REVUE BI-MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

Giám-đốc : **HỒ-VĂN TRUNG** ✱

DEPOT LEGAL INDOCHINE No A10788

MỤC LỤC

Một vấn-đề, ba giải-quyết. . . . . . TRÚC-HÀ
Một nghi án về sử học và văn học trong hồi Tây sơn. . VIÊN-GIÀ
Tam giáo lược khảo. . . . . . QUANG-PHONG
Nước Ai-Cập đời Thái-cổ. . . . . . THANH-TÂN
Hiền-triết Hy-lạp : Epicure . . . . . LÊ-CHÍ-THIỆP
Lược khảo về chế độ cai trị người Minh-hương ở Nam-kỳ . . . . . KHUÔNG-VIỆT
Tri mạng và tự cường . . . . . TRÚC-HÀ
Trở lại bịnh : Ban . . . . . Bác sĩ NGHIỆP
« Rương vàng của con tôi » (tiếp theo). . TRƯƠNG-VĨNH-TỐNG
Gia-Long phục quốc diễn ca (tiếp theo) . . ĐẶNG THÚC-LIÊNG
Ái-tình Miếu (tiểu-thuyết) . . . . . HỒ BIỂU-CHÁNH

Yo 71799

Bao quan : 5, rue de Reims, Saigon — Gia moi so 0 $ 40

https://tieulun.hopto.org
Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

https://tieulun.hopto.org

MỘT VẤN-ĐỀ
BA GIẢI-QUYẾT

VẤN-đề ấy là cuộc hỗn loạn ở nước Tàu về thời Xuân-thu. Các nước chư-hầu gây ra chiến tranh không ngớt. Vua giết tôi, tôi thí vua, anh em tranh ngôi rồi hại nhau, cha cướp vợ con, con lấy vợ cha, chồng giết vợ, vợ phụ chồng, bao điều thương luân bại lý, bao việc tàn sát thê-thảm đều là sự xảy ra như cơm bữa. Làm một người dân trong lúc đó, khó cầu lấy cuộc sống an toàn. Người ta cần đem hết tài năng ra thi thố để tranh phần thắng lợi, đầu phải thi hành thủ đoạn độc-ác cũng nên. Vì thế mới xuất hiện ra biết bao kẻ gian hùng, biết bao tay danh tướng. Nhưng dầu ngay dầu gian, dầu thiện dầu ác, những việc làm cũa người đương thời đều nhắm về một chũ đích là bão toàn sự sống riêng của mình, hoặc cũa bè đảng mình hay nước mình.

Xét nguyên-nhân gây ra cãnh hỗn loạn ấy, nhiều nhà học giả hiện nay đồng cho là vì xả-hội phong-kiến đời Xuân thu đến độ suy vi, chế-độ kinh tế củ bị lung lay bởi sự khởi thạnh của các giới nông, công, thương, Họ lại giải nghĩa luôn sự phát sanh của những học-thuyết đương thời, như Lão-giáo, Nho-giáo, và Mặc-giáo. Họ nói Lão tữ là đại biểu của hạng qui tộc cũ, Khổng-tử, đại biểu của phái nông, công. Mỗi nhà triết học ấy đứng trong một giai cấp xướng lên một học thuyết để binh vực giai cấp mình và chống chọi với giai cấp khác.

Sự giảng giải ấy rất là gượng gạo, chỉ đợi một làn gió lý trí nhẹ nhàng thổi đến là rơi rụng như lá vàng. Gốc lầm này, mọc trên miếng đất Trung-hoa, trồng lên đó một vài học giả có tiếng của nước ấy rồi nhập cảng vào xứ ta một cách dễ dàng, nhờ thói quen di truyền cũa dân ta từ xưa đến nay hay đón tiếp sốt sắng các sản vật trung-quốc Ngày xưa, người Tàu lầm thế nào, dân Việt lầm thế ấy. Ông Dương-bá-Trạc có nói : « *Người Tàu bị dại về cái học khoa cữ, mình cũng bắt chước theo cái học khoa cữ mà bị dại ; người Tàu bị ngu bị hèn về cái tục trọng văn khinh võ, qui sỉ tiện nghệ, người mình cũng bắt*

https://tieulun.hopto.org

chước theo cái tục trọng văn khinh võ, qui sĩ tiện nghệ mà bị ngu hèn... » (Tiếng gọi đàn). Ông Dương còn nói nhiều nữa về tánh thích dùng đồ Tàu của người mình. Nếu sự dùng nầy chẳng có hại thì không sao. Trái lại, nhiều khi nguy hiểm cho nền tinh thần, cỏi tư-tưỡng của chúng ta.

Vì thế, tôi thấy cần phãi phãn đối cách giảng giải trên. Tôi quả quyết rằng trong ba nhà triết học ấy, chẳng một nhà nào đứng riêng trong một giai cấp nào cã. Nhà đạo đức xưa không có óc phân chia giai cấp và không có quan-niệm về sự giai cấp cạnh tranh. Đạo đức xưa là một thứ đạo đức xây đựng trên nền tảng tâm lý chớ không phải nền tảng công lợi của một giai cấp. Sự khác nhau giữa ba học thuyết đó có thể cắt nghĩa bằng sự khác nhau về vỏ trụ quan, nhơn sanh quan, tánh tình riêng biệt, phương pháp hành động của mỗi nhà triết học. Còn chỗ giống nhau là người nào cũng mong trình bày một đạo lý hầu vản hồi thời tệ. Thay vì bước vào vòng đời để tranh danh đoạt lợi như thiên hạ, họ lại đứng riêng ra một mình, xem xét, suy nghĩ, tìm cách cứu vớt nỗi khốn khổ cho loài người.

Trước hết, ta hãy xem phương-pháp của Lảo-tữ ra thế nào. Ở đây, tôi không đá động đến phần hình nhi thượng cũa đạo Lảo vì nó huyền diệu, khó tóm tắt, và không liên lạc với vấn đề nầy. Điều cốt yếu là ta hảy xem quan niệm về chánh trị cũa Lảo tữ để hiểu dụng ý cũa ông. Nói đến chánh trị tất là nói đến quốc gia. Một quốc gia lý tưỡng cũa Lảo tữ ra sao? Ấy là một «*nước nhỏ, có ít dân. Nhơn dân không có lòng tham cũa qui vật lạ, không có óc đua chen, không thích sự khôn khéo, chỉ làm để sống và ai cũng thừa thãi. Cho nên dầu có khí cụ gấp trăm gấp chục sức người mà không dùng đến. Ai nấy đều coi cái chết là hệ trọng, nên không bao giờ đi xa. Có xe, thuyền mà không ai ngồi, có gươm giáo mà không bao giờ đem bày. Lỏ hết văn tự, khiến người ta trở lại dùng cách «thắt dây» cũa đời thượng cổ. Ai nấy đều chăm việc ăn ngon mặc đẹp (1), ở yên ổn, vui với phong tục của mình. Các nước láng giềng gần gủi có thể trông thấy nhau, ở nước nầy có thể nghe được tiếng gà tiếng chó của nước kia, nhưng nhơn dân trong nước ấy đến già chết vẫn không qua lại với nhau.*» (*Lão tử—Ngô tất Tố—trương 111*).

Lão tữ rất ghét chiến tranh và cho rằng: «*Quân lính ở đâu gai gốc mọc lên ở đấy. Sau trận đại chiến, ắt có năm mất mùa*», (Lảo tữ—Ngô tất Tố—trương 108). Sự nhận xét đó rất đúng.

---

(1) Ý muốn nói ăn no mặc ấm.

https://tieulun.hopto.org

Nhiều người hẳn cũng thấy như ông. Nhưng chiến tranh và loạn lạc vẫn xảy ra luôn chỉ vì người đời không dằn được lòng ham dục. Muốn tránh được họa hoạn chiến tranh, ông chủ trương thế nầy : « *Không chuộng người hiền, cho dân khỏi sinh tranh giành. Không qui những vật khó được cho dân khỏi làm kẻ trộm. Không thấy cái gì đáng ham, cho lòng dân khỏi loạn... Dứt hẳn sự thânh, bỏ hết sự khôn, thì dân sẻ lợi gấp trăm. Dứt hẳn điều nhân, bỏ hết điều nghĩa, thì dân sẻ trở lại nết hiếu thảo. Dứt hẳn sự khéo, bỏ hết sự lợi, thì trộm cướp sẽ không có nữa* », (Lảo-tử — N. T. T. — trương 100).

Dựa theo mấy lời nói trên của Lảo tữ mà suy diễn ra, tất nhiên ta phải công nhận rằng Lão tữ là một nhà phá hoại triệt để. Ông cố ý phá hoại tất cã nhửng cái nhơn tạo mà người đời thường qui chuộng, thường thèm khát, nhơn đó mà gây ra sự tranh giành giữa người với người, nước với nước. Sống một cuộc đời chất phác, lấy sự no cơm ấm áo làm đủ, ngoài ra không biết ham muốn ao ước gì nữa, ấy là sống một cach hòa bình yên ổn. Nếu người đời biết sống như vậy, hoặc nếu nhà cầm-quyền có thể tạo ra cho dân chúng một cuộc đời như vậy, thì chẳng cần nói đến nhơn nghĩa, trung hiếu làm chi. Các đức-tánh quí báu đó sở dĩ được ca-tụng, được khuyến khich, chĩ vì cuộc đời đã mất hết sự thái-bình, hòa lạc. Bởi thế ông nói· « *Đạo lớn bị bỏ, mới có nhơn nghĩa... sáu thân không hòa thuận với nhau mới có người hiếu người thảo; nước nhà tối-tăm rối-loạn mới có người tôi trung thành... Điều tin không đủ mới có sự tin* » (Lảo-tữ, N.T.T. trương 91) Tư tưởng cũa Lão-tữ tuy có tánh cách phá hoại nhưng không nguy-hiểm. Nó đồng-thời phá hoại và kiến thiết cũng như một nhà giáo, trong khi phá một cái lầm của học sinh, tức là đã đem lại cho cậu một sự hiểu biết mới. Ta chẳng sợ sự phá hoại đó, chĩ cần hỗi coi phương pháp nầy có thể thiệt hành được hay không mà thôi.

Khổng-tữ thì không có tư tưởng cực đoan đó, Ông không bao giờ cố ý kéo ngược con người trở lại đời thái - cổ, tuy ông vẫn mong thi hành được phép trị nước của các nhà vua nhơn đức xưa như Nghiêu, Thuấn. Một nước lý-tưởng cũa ông là một nước trong ấy « *vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con* ». Ai ở địa vị nào, phải giữ đúng địa vị đó, có phận sự nào, phải làm xong phận sự đó. Nhà cầm quyền là hạng người nhơn-đức, trước lo sữa mình theo đạo nhơn, làm việc gì cũng giữ lẻ chánh, « *thích cái thích của dân, ghét cái ghét của dân.* » Hễ khi « *mình ngay chánh thì dầu không sai khiến người ta cũng làm, mình không ngay chánh dầu có sai khiến người ta cũng không theo* ».

https://tieulun.hopto.org

Đó là cái thuyết « chánh danh định phận » dùng để sữa lại tình thế hỗn độn đương thời, vì lúc đó, thiên-tử thì không quyền, các vua chư hầu lấn át lẫn nhau, dân chúng lầm than khổ sở, rỏ là một cảnh tượng đảo điên không còn có trật tự gì nữa. Chánh sách của Khổng tử lấy nhơn (1) làm gốc, dùng lễ nhạc để điều hòa tình cảm người ta, hầu sữa đổi phong tục cho thuần lương và ngăn ngừa điều gian tà lúc chưa phát hiện. Những giáo lý của ông tuy sâu xa nhưng thiết thiệt, vì nhơn vật lý tưởng của đạo Khổng là hạng người cao đẳng, vẫn thường có bất kỳ trong thời đại nào và ở xã hội nào. Chỉ khác một chút là bực quân tử lý tưởng thì thiệt hoàn toàn, còn người cao đẳng kia thế nào cũng có sỡ trường và sỡ đoản. Nhưng đó không phải là một trỡ ngại cho sự hành đạo.

Mặc-tử có phần giống Khổng - tử ở chỗ xây dựng đạo lý trên tấm lòng yêu đời mà họ Mặc gọi là kiêm ái. Nhưng lòng yêu của ông tha thiết quá, nhiệt-liệt quá, thành ra ông giữ một mực bình đẳng đối với mọi người, không phân biệt kẻ thân người sơ. Vì lẽ ấy, Mạnh-tử công kích đạo ông là vô quân vô phụ. Tình yêu cũa ông không tuần tự mà tăng tấn như lòng nhơn trong đạo Nho vì bực nho giã thì trước yêu kẻ thân, sau mới rộng yêu đến thiên hạ. Ông sống một đời khắc khổ như kẻ tu hành, rất trọng sự cần lao và ghét sự xa xĩ. Nên nói : « *Hễ dân thích sự dâm tịch thì khó trị. Vua đã xa xĩ thì khó lỏng mà khuyên ngăn được dân. Trong nước mà vua xa xỉ, dân dâm tịch, thì muốn cho nước khỏi loạn là điều không thể được* (*Học-thuyết* Mặc-tử, trương 53). Ông cực lực công kích sự hành chánh của của chư Hầu đương thời vì họ chỉ thâu góp tiền cũa dân để mà phung phí, rốt cuộc dân phải nghèo đói khốn nạn.

Ông bài xích cã âm nhạc mà chính Khổng-tử rất khuyến khích. Lý luận của ông thiết thiệt lắm : « *Dân có ba mối lo lớn ..., đói không có ăn, rét không có mặc, khó nhọc không được nghĩ ngơi ; nay đánh chuông trống, gãy cầm sắt, gõ nhịp, thổi sáo thì của ăn, của mặc cũa dân có ra được không ? Nay nước lớn đánh nước nhỡ, họ to đánh họ nhỏ, khoẽ hiếp yếu, bọn đông cướp bọn ít người, khôn gạt ngu, sang hợm hèn, trộm cắp giặc giã nổi lên một lúc không sao dẹp được, thì khua chuông trống gẩy cầm sắt, gỏ nhịp thổi sáo có làm thiên hạ đàng loạn thành trị được không ?* » (*Học thuyết Mặc-Tử, trương* 58-59).

---

(1) Xin coi bài « Đức sanh và lòng nhơn » trong Đại-Việt số 4.

https://tieulun.hopto.org

Ấy, chũ trương cũa ba nhà triết học trên đại khái là thế. Không ai có khối óc giai cấp cả. Tại sao, người đời nay lại cứ gán vô lý cho họ mỗi người một giai cấp như vậy ? Trong đời, há không ai quan niệm được một đạo lý có thể bao trùm hết cả toàn thể nhân loại hay sao ?

Nếu bình tĩnh mà suy xét, so sánh, ta thấy phương pháp của Lảo tữ đi ngược với dòng tấn hóa tự nhiên của con người. Nó không thể thiệt hiện được. Người đời củng không thể làm theo ý kiến của Mặc-tữ vì chẳng phải ai cũng tha thiết yêu đời và giàu lòng bi sanh như ông. Duy có phương pháp của Khổng tữ thì gần gũi với nhơn tình hơn, thuận tiện về mặt lý thuyết cũng như về mặt hành động. Các đời quân chũ về sau chọn lấy đạo Khổng làm chánh đạo tất là vì lẻ đó. Nhưng ta nên để ý rằng chế độ quân chủ đả lợi dụng (exploiter) Khổng-giáo và làm sai lạc ý nghĩa của đạo ấy rất nhiều. Tinh thần chơn thiệt của Khổng-giáo rất cao thượng, rất tốt đẹp, cần kíp cho bất kỳ ai, ở trong thời đại nào, chớ không phải là thứ tinh thần hèn hạ cũa hạng người mượn màu « quân-tữ », đánh lừa « tiểu-nhơn ».

Thế-giới mà chúng ta đương sống đây bày ra một cảnh tượng không khác bao nhiêu với của thời xuân thu. Những bực ưu thời hẳn không khỏi trải qua nỗi khốn khổ to tát về tinh thần. Chắc ai cũng mong mỏi cho nhơn loại sẻ được sống trong một tình trạng hòa thuận, dưới một chế độ công bình hơn. Xã hội sẻ không bó buộc cá nhơn, cá nhơn cũng không quên lảng xả hội. Dưới bóng mặt trời, mỗi người sẽ hưởng một phần ánh sáng đầy đũ cho sự phát sanh của mình.

Muốn được vậy, chúng ta trước phải gội sạch óc giai-cấp. Óc giai-cấp tức là óc chia rẻ. Đã chia rẽ thì không thể hòa thuận. Lòng ta phải bao dung cã nhơn loại củng như tri ta phải bao quát cả thế-giới. Ta phải giữ vững sự độc lập về tinh-thần, hảy đứng ra ngoài vòng thế-lực cũa đãng phái để mà gây dựng một học-thuyết rộng rãi, cao sâu có thể mở cho nhơn loại một viển ãnh tốt đẹp ở buổi tương-lai.

TRÚC-HÀ

Tôi có cái nhiệm vụ phãi kể như kẻ thù của cuộc Pháp quốc thống nhứt, những người làm nghề đầu cơ và những người thừa sự thất bại của quốc gia mà làm giàu, thừa các nỗi thống khổ cũa chúng ta mà tom góp bạc triệu mau lẹ.

Thượng-tướng PÉTAIN

https://tieulun.hopto.org

MỘT NGHI-ÁN VỀ SỬ-HỌC VÀ VĂN-HỌC TRONG HỒI TÂY-SƠN

Ai củng biết rằng từ thế kỷ thứ 19 trở đi, sữ học đả tbành một chuyên khoa, chĩnh đốn theo phương pháp khoa học. Nhưng theo ý tôi, dầu có biẽu diện phê đoán (critique externe) và nội dung phê đoán (critique interne) đi nữa thì nó củng không thế nào đứng bẳn về mặt khão cứu vô tư, Vì, sữ gìa đả là người thì tất nhiên có thị hiếu riêng, tình cãm riêng, bắt ta phãi đếm xỉa tới hệ số về cá tánh của họ (coefficient de personnalité). Vả lại, việc dĩ vảng có ảnh hưởng tới hiện tại, tới tương lai ; đả phụng sự nhơn sanh thì sử phải uyển chuyển tùy thời, để binh vực quyền lợi của một chánh thể hay là một quốc thể.

Có sữ đả khó mà tin, mà gặp một thời kỳ không sữ—chỉ dựa theo tỳ quan dạ-thặng (1)--thì muốn kiếm tài liêu đích xác, củng chẳng dễ gì. Việc giao tế giữa Tây - Sơn và Mản - Thanh chính ở vào trường hợp ấy. Trào Tây - Sơn bị sắp vào hàng « ngụy » và đời Mản-Thanh còn quá gần với Dân-quốc Trung-Hoa thì tìm đâu cho ra chánh sữ bây giờ ?

***

Dựa theo Hoàng-Lê nhất-thống-chí của Ngô-gia văn-phái và Nghệ An cư-sĩ, Đại-nam sử lược của Trần trọng Kim và Tây sơn sữ-luận của Lê Dư, ta thấy rằng trận đánh Đống-đa của vua Quang-Trung đã ghi một vỏ công hiển hách trong quốc sữ. Chỉ đầu tiên một trận giao phong mà Hứa thế Hanh rơi đầu, Khâm nghi Đống thắt cổ ; rất đỗi quan Tổng đốc trọng thần là Tôn sĩ Nghị nghe tin hoảng hốt, người không kịp giáp, ngựa chẳng kịp yên, bỗ cã ấn kiếm, giấy tờ chạy trốn như con chuột lũi. Đó là chưa kể đến quân lính bị voi dày, bị cầu gảy mà thây chồng thành núi xác chất đầy sông.. Rất đỗi Nguyễn vương sai chư tướng đuổi tàn binh cho đến cữa Nam quan, sát khí ầm ầm làm cho dân biên giới Tàu phải rao núng, hơn mười dậm từ cữa ải trở về Bắc, tịnh không nghe một tiếng người.

Oanh liệt chưa ? Vinh diệu chưa? Cái chiến công «*sát tận Hung Nô di bối*» (Giết chết hết bọn mọi Hung Nô) thiệt không thua gì những trận Chi-Lăng, Bạch Đằng và Đông quan của các

https://tieulun.hopto.org

tiền trào. Chẳng những vậy, trong nhiều bài biểu dâng cho vua Thanh, Nguyễn vương còn tỏ ra một cữ chỉ nữa nhường nhún nữa cứng đầu: khi xin ngựa, khi xin sâm, khi cầu hôn, khi đòi đất, khi bỏ lệ đúc người vàng, khi thác tật không tiếp sứ, khi sai cháu thế mình sang triều, khi xin thông thương mà không chịu quan thuế, biết bao là thái độ ngang tàng ! Thế mà lúc *«dệt thêu ngay hóa vạy»* người Tàu họ úp lên trên sự thật một cái mặt nạ rất buồn cười.

Thì đây, trong Mẩn thanh tỳ sĩ (trương 21, chương thứ 2, tiết 40) họ cã gan chép lại như vầy ; *« Giữa đời Càn-Long, Nguyễu-văn-Huệ thống nhứt nước Việt, Con cháu họ Lê là Lê-duy-Kỳ thầm sai sứ sang xin giúp binh. Hoằng-Lịch, (tên vua Càn-Long) bèn giáng chỉ cho Tôn-sĩ Nghị qua đánh phá quản Nam mà thẳng tới Đông-Kinh. Văn-Huệ trốn về Quảng-Nam, Duy-Kỳ lại được phục vị. Nhưng vì Sĩ-Nghị tham công, muốn bắt sống Văn-Huệ, không chịu rút quân về, lại còn khinh địch không ngừa giữ, nên bị Văn-Huệ lén đánh, đại binh rả, lui về Trấn-nam-Quan. Gặp lúc nước Annam cùng với nước Tiêm-la gây chuyện, Văn-Huệ sợ hai mặt chịu giặc, nhơn tạ tội xin hàng, đổi tên là Quang-Bình, sai con anh dâng biểu nạp cống. Hoằng Lịch nghỉ trời ghét họ Lê, không thể gầy dựng lại được, và cũng e trận thua của Sĩ-Nghị hồi trước, nên mới nhậm lời xin. Đến năm thứ 55 (1790), Quang-Bình vào chầu được ban cho đai mảo và chịu phong mà về ».*

***

Bạn đọc đã thấy chưa ? Bên sự sai lầm về sữ học, các ngài con Trời còn hiến cho ta một chuyện bí-beng về văn học nữa kia.

Nhưng trước hết, tôi hãy cữ một nhàn đề (digression) hay là nói theo tây, tôi hãy mở một vòng đơn đã :

Chính vua Quang-Trung đả thiệt thà khoe rằng : « Trẩm đối», nên trong thời ấy, văn hàn phần nhiều là dùng chữ nôm, đó là một điều ta nên chú ý mà tự hào. Nhưng đối với thần dân nhà Lê, đối với bang giao nhà Thanh, ngài không thể nào ly-dị với hán văn được. Vì thế, ngài đả biết dùng Ngô-thời-Nhậm làm bi thơ mà củng là mưu sỉ. Những văn kiện cũa đại gia ấy có một giá trị đặc biệt, như bài văn tế Khâm-nghi-Đống chẳng hạn. Tiếc rằng không thể đăng nguyên văn chữ hán, tôi xin tạm dịch như sau ;

« Than ôi !

« *Bốn phương hồ thỉ, trai trẻ phần riêng ;*

« *Muôn dặm kiếm cung, anh hùng chí cả.*

https://tieulun.hopto.org

« *Nỗi treo giáy nghe những đau lòng ;*
« *Chết tây núi nghỉ mà chột dạ.*

Nhớ tướng quân xưa !

« *Vào bậc súy khoa ;*
« *Vốn giòng hoa hạ.*
« *Ngoài non chướng giáo gươm ngăng hải, áng công danh xa hẹn gót chàng Ban ;*
« *Lên thành La súng đạn tưng bừng, tài mưu lự bỗng kém tay họ Mã.*
« *Trời mây man mác, hồn vẫng cung tiên ;*
« *Bến cát lạnh lùng, xương vùi nấm mả.*
« *Trong miếu ngàn năm hương khói, tình ai đâu nỡ thờ ơ ;*
« *Trên đàn một tiệc đơn sơ, lòng trầm gọi là chút thoả. »*

Muốn hiểu do lai cũa bài văn tế ấy, bây giờ ta hảy trở lại với bầy trừu ta. Theo ông Sỡ Cuồng, khi vua Quang Trung sai cháu là Nguyễu quang Hiễn sang cầu phong, Hoàng đế Càn-Long phán bảo : *Qua năm gặp tiết bát tuần đại khánh cũa trẫm Nguyễn Quang Bình trước phải thân tự vào chầu và lại phãi lập miếu thờ các trận vong tướng sĩ của nhà Thanh. Như vậy mới được phong ».*

Nói dọa vậy thôi, chớ liền trong năm ấy, kỷ dậu (1789) bọn Vương phủ Đường đả qua sách phong và tới năm sau (Canh tuất 1790), vua Quang Trung lại sai bọn Phan Huy Ích đi tạ ơn và tiến cống. Trong bài tạ biển đã có câu như vầy :

« *Thương hoàng tất tử chi niên, dong thân vô địa ;*
« *Thăng thốt cầu sanh chi nhật, hoạch tội vu thiên ».*

Dịch là :

« *Bàng hoàng đáng chết năm nào, nương mình không đất ;*
« *Hoảng hốt cầu sanh ngày ấy, chịu tội cùng trời ».*

∴

Dưới đây là một tiếng chuông khác. Đọc « Thanh-Đại Tam Bách-Niên Diễm-Sữ », một cuốn sách nữa sữ nữa tiểu-thuyết, tôi thấy rằng vì tiết bát tuần vạn thọ cũa bà mẹ, vua Càn-Long muốn cho Nguyễn-quang-Bình vào chầu để cho xứng với mấy chữ biển « Phổ thiên đồng khánh, trùng dịch lai triều » (khắp trời chung phước, mọi nước về chầu), nên mới sai Ngô-Tuấn truyền biểu Phúc-khang-An, tổng đốc Vân-Quí phải lo liệu về việc ấy. Đến nơi, Tuấn bị vợ An lập mưu lợi dụng nên đi thẳng tuốt Annam mà dụ Nguyễn-quang-Bình. Liền thì, ông cầy sai hai bồi thần mang biểu văn và cống vật đi theo và hẹn sẽ vào triều cận. Điều kỳ nhất là có đăng nguyên văn bài biểu và thêm rằng Phúc khang-An phãi tấm tắc khen ngợi :

https://tieulun.hopto.org

«Không ngờ một nước nhỏ mà có thứ văn tự như vầy». Xét theo nghệ thuật lối tứ lục, bài biểu nầy là một áng văn hay. Tôi xin tạm dịch nguyên-văn ra như sau :

« ***Vua nước Annam*** : *thần Nguyễn-quang-Bình* ***cúi đầu dưới bệ đức đại Hoàng Đế. Thầm nghĩ :***

« ***Ơn chúa*** *tựa mùa xuân, hạt mưa móc thấm* ***nhuần đất đỏ :***

« ***Ngôi vua*** *dường Bắc Cực, vầng trăng sao* ***trông ngóng trời chung.***

« ***Muôn nước*** *vỗ về, dâng đủ đồ ngon vật lạ ;*

« ***Một nhà sum họp,*** *quản bao vượt biển trèo non .*

Phương chi :

« ***Rộng mở*** *cửa từ, rực rỡ nàng Nhung bà Tự (2)*

« ***Đội chung*** *phước cả, vẻ vang cung Hán điện Đường.*

« ***Đem thiên hạ nuôi*** *đấng thân, mới là dạy hiếu.*

« ***Biết Trung quốc*** *có bậc thánh, dám chẳng lại chầu.*

Thần :

« ***Mích ở*** *phương Nam ;*

« ***Xa trông*** *cõi Bắc.*

« ***Ban tỷ thư*** *làm dân phên dậu ;*

« ***Mở*** *cửa trời thấy áng mây rồng.*

« **Xin sai hai viên** bồi thần trước mang biểu văn **và cống vật, đi theo thiên-sứ** tới viện Lý-phiên (3) giao nạp. **Còn thần sẽ mượn đường** Vân-nam do trạm vào Kinh.

« *Ô hô !*

« ***Hầu bữa*** *ở Toàn khuê,* ***hưởng*** *thụ tóm thâu* ***năm phước trọn ;***

« ***Ra ân*** *từ Kim khuyết,* ***chức mừng*** *rộn khắp* ***bốn phương xa.***

« **Chút tình mừng** ở của thần, theo phép làm tập **dâng lên, cúi xin thánh xét.** Thần cẩn tấu ».

***

Bát tuần mẹ hay là bác tuần con ? Biểu người Tàu hay là biểu người Việt ? Đó chính là một nghi án mà tôi đã nêu **làm đầu đề. Dựa vào tài liệu** đã thâu thái được, tôi nhận thấy **rằng chỉ có lẽ** *lục* **tuần của** Nựu-hộ lộc thị, mẹ Hoằng Lịch, **mới là đặc biệt long trọng** và đã cử hành vào năm Càn Long thứ 16 (1751) **nghĩa là trước đời** vua Quang Trung. Một đàng khác là lúc Thoại **nham hầu** (Phan huy Ích) sung sứ qua **chúc thọ** trong năm **Canh tuất** (1790) thì vua Thanh mới sống tới năm thứ 75. **Thế thì dầu sao tính cũng không ra được bát tuần.**

https://tieulun.hopto.org

Có người lại cho rằng bài biểu nói trên là một bài do người Tàu bịa đặt. Thưa không ; những thi ca văn mặc đăng-tải trong Tam-Bách-Niên Diễm-Sử đều là chánh xác. Một chứng cớ rõ ràng là nhờ nó tôi được đọc bài Ngô Mai-Thôn vịnh Trần-Viên-Viên, cái bài mà Ngô-tam-Quế đã mua bằng mấy ngàn vàng đặng khỏi công bố.

Nhai chữ lắm càng thấy nghi-án nhiều. Việc giải quyết xin dành cho các bực cao-minh.

VIÊN-GIÀ

∴

(1) Tỳ quan ; nghĩa chánh là chức quan nhỏ, người ta cũng dùng để gọi những nhà viết tiểu-thuyết. Dạ thặng : sử ở thôn-quê, những thứ ghi chép của các tư-gia.

(2) Nàng Nhung : mẹ ông Tiết thủy tổ nhà Thương, Bà Tự : mẹ Võ-vương, vua sáng nghiệp nhà Châu.

(3) Lý phiên viện : tên một quan thự (sở công), đời Thanh đặt ra, để trông coi việc phong thọ, triều cận, cống hiến, truất trắc và trưng phát của các nước phiên thuộc.

ĐÃ CÓ BÁN :

CỬ-KỈNH

Của HỒ BIỂU-CHÁNH

Một quyển tiểu thuyết giáo-dục có giá-trị, rất cần thiết cho mọi gia-đình của mọi giai-cấp trong xã hội.

Một áng văn kiệt tác mà mọi người cần nên đọc và đừng để thiếu trong tủ sách gia-đình,

Sách dày hơn trăm sáu mươi trương, ấn loát rất mỹ-thuật.

Giá đặc biệt : 0p.70

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI-VIỆT

A. Frères Guillerault — SAIGON

https://tieulun.hopto.org

TAM GIÁO LƯỢC KHẢO

QUANG-PHONG

Il n'y a pas de Religion supérieure à la Vérité.
(Không có Đạo nào qua Chơn-lý)

TAM giáo là Phật-giáo, Khổng-giáo. Lảo-giáo. Mỗi đạo có một đấng giáo-chủ cầm đầu và có một tôn chỉ riêng để truyền bá mở mang bằng học thuyết và kinh sách mà để lại cho dân chúng.

Trong ba đạo ấy, con người ở thế gian nầy không ai là đứng ngoài vòng cũng thấy được. Ai cũng cần có một đạo—hay nói đúng hơn là một tôn giáo—để thờ phụng sùng kính và noi theo những giáo điều của đạo mà ở đời cho hạp với lẻ phải. Vì cái căn bổn của đạo nào cũng có cái tinh hoa siêu việt và tánh cách bác ái từ bi để phổ độ cho quần sanh.

Bởi muốn cho các bạn đọc được hiểu sơ qua cái tôn chỉ của mỗi đạo khác nhau thế nào và cái tinh hoa cốt yếu mà đạo nào được nhiều người trên thế giới tín ngưỡng sùng bái, nên chúng tôi xin lược khảo biên ra đây, chớ muốn nói cho kỷ cang rỏ rệt hơn thì cần phải già công suy tầm và mỗi đạo phải viết thành một bộ sách.

I.— PHẬT GIÁO *(Le Bouddhisme)*

Phật giáo là một đạo được nhiều người sùng bái hơn hết. Hiệu nay trên hoàn cầu có hơn 400 triệu người theo đạo Phật.

Đấng giáo chủ của Phật giáo là Thái tử Sĩ đạt-Ta (Siddhartha) họ Gô-ta-ma (Gautama) ở xứ Ấn-độ, con của Tịnh phạn vương hay là Sư-đà-Na (Souddhôdana) và mẹ là Ma-da phu nhơn (Mâyâ) ở thành Ca-bi-la (Kapilavas ou) (1). Ngài sanh vào thế kỷ thứ VII, năm 623 trước chúa giáng sanh. Vốn xuất thân trong hàng đại các vương giả nên năm lên 16, ngài có vợ là công chúa Da-đô-đa-ra (Yasôdharâ) con vua Thiện Giác (Suprabudha) và hạ sanh được một đứa con trai tên Ra hầu La.

(1) Thành Ca bi-La ở Ấn-độ trên sông Rôhini (nay kêu là Kibana) cách phía đông bắc Bénarès gần 150 ngàn thước, dưới chơn núi Hy-mã-lạp (Hymálaya) chính ở trong đất Né-Banh (Népal), bây giờ thành ấy đã hư hủy rồi.

https://tieulun.hopto.org

Nhưng ngài cho thế gian là giả cuộc, những đều vui sướng của con người toàn mộng huyễn, nên ngài muốn tìm phương pháp giải thoát cho quần sanh mới lìa cả cung điện tráng lệ uguy nga, tách mình vào chốn rừng xa núi đồ để tìm thầy học đạo.

Thời bấy giờ ở Ấn-độ, đạo Bà-la-môn đương thạnh hành. Các nhà sư Bà-la môn giáo được nhơn dân trong nước sùng kính, nhưng đối với Ngài, cái triết lý của giáo ấy mà họ cho là siêu đẳng không làm cho ngài được thỏa mản hài lòng. Vì vậy, ngài mới đi đến cây Bồ đề (Bôdhi) chỗ chùa Ma-ha-bô-đi (Mahâbôdhi) bây giờ, ngồi mà thiền định dưới gốc cây ấy. Ngài nhịn đói theo cách khổ hạnh của đạo Bà-la-môn, nhưng về sau thấy nhịn đói rất có hại, nên ăn lại như thường.

Chỉ ngồi suy nghĩ như thế, ngài mới hiểu thấu được cái lẽ cứng cỏi cao siêu hơn cả các tôn giáo và triết học đương lưu hành ở xã hội Ấn-độ hồi bấy giờ. Hay nói một cách khác, nhờ suy nghĩ mà Thái-tử Sĩ-đạt-Ta mới tìm ra cái lẽ để giải đáp vấn đề vô trụ nhơn sanh mà cã triết học Ấn-độ thời ấy không giải đáp được một cách viên mãn. Vì vậy trong thời ấy, người ta xưng tụng ngài là Phật, tất là kẻ sáng suốt mọi lẻ cũng như bên Tàu tôn Khổng-Khâu là Thánh trong đạo Nho, chớ không phải một tên riêng (nom propre) và cái danh hiệu cao qui ấy còn truyền xưng đến ngày nay.

Suy nghĩ tất là tìm tòi nghiên cứu, đó là một cách học cũa nhà triết học Sĩ đạt Ta. Đạo Phật sở dĩ được nhiều người sùng bái kính trọng là vì đạo Phật là một đạo huyền diệu cao thâm không thể tỏ ra cho người hiểu đặng ngay mà cần phải tự mình nghiên cứu truy tầm mới đạt được cái nguyên lý cũa những sự thống khổ cũa loài người. Và mới lảnh hội được cả ý nghĩa sâu xa trong lời của Phật để cho ra cái lẽ « tự giác giác tha ».

Phật giáo lại là một đạo cốt để cứu vớt nhơn loại đương oằng-oại lăn lóc trong vũng máu tranh đua, đương vùi thân trong bể lụy ; đồng thời, một đạo để chống bẩn sự uy-hiếp của người Bà la môn lấy quyền thế bắt ép dân chúng theo một phạm vi nhỏ hẹp cũa tôn giáo (1)

Phật-giáo không trọng ở sự cúng tế mà trọng ở Nghĩa-vụ. Bởi không cho đẳng cấp mà muốn được bình đẳng, nên Phật cho rằng : Người nào đức hạnh hoàn toàn, giàu lòng bac ái, tức là Phật ; và, ngài nguyện rằng chừng nào chúng sanh

(1) Một kỳ khác, chúng tôi sẽ bàn đến Phật giáo và Bà la môn giáo khác nhau thế nào ?

https://tieulun.hopto.org

thành Phật ngài mới thành Phật. Thế mới biết không có ông Phật « độc tôn » như nhiều người hiểu lầm.

Đạo Phật có bốn điều cần yếu gọi là Tứ-diệu-đế (les quatre vérités de salut)

1— Khổ : đời là khổ (la souffrance)

2— Tập : nguồn gốc của sự khổ (la cause de la souffrance)

3— Diệt : giết chết sự khổ (la suppression de la souffrance)

4— Đạo : phương pháp hay là con đường để giải thoát (chemin qui mène à la suppression de la souffrance hay là chemin qui mène à la délivrance).

Phật giáo cho rằng mọi sự ở đời đều khổ cả, không có gì làm cho người được hoàn toàn sung sướng yên vui. Nhơn-loại hiện giờ chỉ là những vật bi động. Bởi đã biết mọi sự ở đời đều khổ lụy đau buồn, thì phải truy tầm cái nguyên nhơn của sự khổ ấy do đâu mà ra, nguồn gốc tội lỗi bởi đâu mà có. Thì thấy rằng muôn sự gây ra do lòng tham dục. Vì lòng tham dục—chấp có ta (ngã chấp)—mới sanh ra những thảm trạng tân khốc. Vậy muốn được thanh tịnh yên vui, thì phải diệt lòng tham dục (vô ngả).

Đối trị lòng đa dục của con người, Phật giáo chủ trương đạo Bát chánh.

Đạo Bát-chánh là gì ?

Là tám điều cần yếu (le sublime sentier à huit parties) mà người tu hành hay già trẽ nghèo giàu cần phải noi theo để thật hành cho thấu chơn lý được diệt lấy vọng tâm.

Đạo Bát-Chánh là :

1— Chánh-kiến (thấy chánh), biết rõ luật nhơn quả hay nghiệp báo.

2— Chánh tư duy (suy nghĩ chánh) suy nghĩ những lẽ cao thượng để giải thoát.

3— Chánh ngữ (lời nói chánh) lời nói thành thật và ôn hòa, không thô tục hung dữ vu vạ. . .

4— Chánh nghiệp (nghề nghiệp chánh) không làm những nghề nghiệp có phạm đến sát sanh gian giảo dâm dục.

5— Chánh mạng (đời chánh) chỉ lo lợi ích cho người, chớ vị kỷ.

6— Chánh tinh tấn (ráng sức chánh) sốt sắn tận lực để đến con đường giải thoát.

7— Chánh niệm (nhớ tưởng chánh) cứ nhớ tưởng mải cái giáo lý chơn thật.

8— Chánh định niệm (định chánh) dứt hết vọng tâm, không cho sanh diệt nửa.

https://tieulun.hopto.org

Đạo Phật dạy đời cho biết sự khổ của loài người và để tìm phương giải thoát một cách viên - mãn ; và cũng là một triết-học cao siêu huyền diệu mà ta có thể bảo rằng Phật - giáo là một triết-học thâm thúy sâu xa, chớ không phải một tôn-giáo.

Giải thích về vấn-đề vũ-trụ nhơn sanh, Phật giáo cho rằng hết thảy vạn vật trong vũ trụ đều biến đổi (các hành vô thường) và không có một vật nào ngoài được cái lẽ nhơn duyên giả-hiệp cho nên không có cái nào để gọi la cái bổn chất duy nhứt bằng còn mãi mãi . . . .

Cái thuyết ấy xô đổ cả bao nhiêu giáo nghĩa của các tôn giáo khác đương chủ trương thần tạo vật và cai linh hồn bất tử như Bà la môn giáo đương lưu hành và chiếm một địa vị ưu thắng trong tư tưởng của dân Ấn ở thời-đại ấy.

Theo Phật giáo, chẳng luận tinh thần hay vật chất hễ khi nào nhơn duyên hiệp thì có, đến lúc nhơn duyên hết thì tan. Vì dụ hột giống là « nhơn », đất, nước, không khí và ánh sáng là « duyên »; nếu thiếu một trong « nhơn duyên » ấy thì không thể sanh hoá được.

Tuy không nhận có vật hằng sống đời đời nhưng cũng không phải chết rồi là hết : Cái luận điệu của Phật giáo phải khác hơn cũa nhà duy vật và khoa học là bởi ở giữa hai cái thiên kiến «thường» và «đoạn» ấy. Nghĩa là, bởi còn nhơn (nghiệp lành hay dữ), còn duyên (đất nước gió lữa) thì còn chịu luật vô thường sanh diệt diệt sanh. Như cái thân «ngũ uẩn» (1) của loài người, sắc thân tuy chết, tri giác tiêu tan, nhưng nếu còn «ngã chấp", còn gây « nghiệp » (Karma) cái đó là nguyên nhơn và sẽ hiệp với các duyên (tinh huyết của cha mẹ) thì thành cái thân « ngũ uẩn » khác. Vả lại, trong sự hiểu biết phân biệt (biết, thấy, nghe, thương, ghét..) của ta, theo Phật giáo, cũng không phải chỉ có cái thân «ngũ uẩn giả-hiệp» ấy, nghĩa là không phải chỉ có «sáu căn» (mắt, mủi, tai, lưỡi, mình, ý) mà thôi, còn phải có «sáu trần» (sắc, tiếng, hơi, mùi, dụng, pháp) nữa, giả hiệp xúc đối với nhau mới có thấy, có nghe... được. Hay nói một cách khác là, có cái tri giác hay là «thức» (sự hiểu biết) là do bởi sự giả-hiệp của «căn trần».

Về tư tưởng chánh trị của Phật giáo tuy không hiểu hiệu rõ rệt như cái thuyết « trị nước và bình thiên hạ » của đạo Nho, nhưng theo trong sách vỡ của Phật giáo thì cái tư

(1) Ngũ-uẩn là Sắc-uẩn, thọ uẩn (cảm xúc), tưởng uẩn (tư tưởng), hành uẩn (biến đổi), thức uẩn (nhận biết).

https://tieulun.hopto.org

tưởng chánh trị kinh tế cả đến đạo đức luân lý hàm ngụ ở trong sự sống thật tế, trong sự cầu cho sự giải thoát.

Theo lịch sử Ấn độ hồi thời đại của Phật, thì nước Ấn độ chia ra mười mấy nước. Có nước vì chánh trị hũ bại mà suy tàn. Có nước nhờ sự chánh trị tân tiến được hưng vượng. Có những nước yếu hèn sợ cái nạn ngoại xâm mới đề xướng cuộc liên minh để bảo tồn lãnh thổ. Có những nước hùng cường muốn nắm quyền bá chủ, nên dùng chánh sách ngoại giao hay dùng võ lực chinh phục. Thời cuộc rối beng ở Ấn độ về thời ấy chẳng khác nào tình thế thời Xuân thu chiến quốc ở Tàu. Hồi bấy giờ, các nhà chánh trị gặp những sự rắc rối về ngoại giao hay nội chánh, họ thường tìm những nhà tôn giáo có tiếng đương thời để bàn chánh sự mà mong giải quyết giùm.

Sĩ-đạt-Ta là một vị đạo sư có tiếng nên thường cắt nghĩa giùm những vấn-đề khó khăn bởi các nhà chánh trị đến yêu cầu. Vì vậy ta mới tìm thấy cái tư tưởng chánh trị kinh tế của Phật giáo. Về những vấn đề chánh trị mà nhà vua yêu cầu Phật giải thích thì tóm lại, chúng ta thấy Phật dạy « vua tôi hòa thuận, trên dưới một lòng ». Và đồng thời, Phật lại đề xướng bạn chế lòng tư dục của mọi người, giúp nhau bằng phương pháp bố thí và thật hành pháp lục hòa (1) mới đoạt được cái hạnh phúc toàn viên.

Bởi cái triết lý Phật giáo sâu xa và có ảnh hưởng tốt đẹp to tát cho nhơn quần như vậy, và bao giờ cũng lấy cái nghĩa « từ bi bác ái » cố làm cho chúng sanh bết khổ được vui, nên cái triết-lý ấy càng ngày càng nẫy nở trong dân gian. Vì vậy trong xứ Ấn-độ có mở ra nhiều trường học để dạy về đạo Phật. Có hai trường lớn nhứt là trường Hynayâna là trường dạy về phái tiểu thừa hay là Nam-tôn ; và trường Mahâyâna để dạy về phái đại thừa hay Bắc-tôn. Kinh Phật của Tàu phần nhiều dịch của phái Bắc-tôn, còn sách Phật ở Âu-châu hiện thời dịch trong kinh điển ở đảo Tích-lan (Ceylan) chép bằng tiếng Pali, họ cho đó là chánh truyền của đạo Phật.

Những kinh sách Phật có ba tạng (Tripataka) viết bằng chữ Pali. Ba tạng là : kinh tạng (Soutta-Pitaka), luật tạng (Vinâya-Pitaka) và luận tạng (Abhidhamma-Pitaka),

Kinh tạng là gồm có các bài giảng về luân-lý đạo đức hợp

---

(1) — Sáu cái hòa :

1·— Thân đồng trụ : hòa về sự ở chung. 2·— Khẩu vô tranh : Hòa về sự không rầy rà. 3·— Ý đồng diệt : Hòa về sự làm việc. 4·— Giới đồng tu ; hoà về sự cùng tu giới cấm. 6·— Lợi hòa đồng quân : tiền của phân chia đồng đều.

https://tieulun.hopto.org

sẻ cho mọi người. Luật tăng là nói về kỷ-luật của chế-độ tăng già. Luận tàng gồm cả tâm-lý, triết-lý của Phật dạy.

Tóm lại, Phật giáo dạy loài người hiểu biết cái triết lý siêu đẳng cao thượng để gây thành một tinh thần trong sạch hiền lương và mài dũa huấn luyện con người có đạo đức hoàn toàn để tự giải thoát những nỗi thống khổ.

Sở dĩ ngày nay Phật giáo phãi lu lờ suy đồi như thế là do những vị sa môn (thầy tu hay tăng già) ở nước ta phần nhiều thất học, chĩ dùng lối âm, thinh, sắc, tướng mà làm sai cái căn bổn nghĩa của Phật giáo.

Lấy lý thuyết của đạo Phật làm một phương tiện cứu cánh cho nhơn sanh là gồm có từ bi bác ái và bình đẳng ; và cần phải tùy thời mà thay đổi. Nghĩa là phải biết thuận biến theo dân chí cũa thời đại. Một đều ứng dụng rất cao siêu tuyệt đối mà ta phải chú trọng và sùng bái là đạo Phật cố tuyệt trừ giai cấp để rỏ nghĩa bình đẳng cã tinh thần và vật chất, như thế mới diệt trừ được nỗi thống khổ của loài người.

Tư tưởng.—Sự họa phước theo việc lành hay dử cũng như bóng theo hình. Không khi nào làm lành lại chẳng được hưởng phước, mà không khi nao làm ác lại chẳng mang họa. (Si-đạt-Ta).

Tham dục sanh ưu.
Tham dục sanh úy.
Giải vô tham dục
Hà ưu bà úy ?
(Pháp cú)

Bỡi tham dục mới sanh ra lo.
Bỡi tham dục mới sanh ra sợ.
Nếu không lòng tham dục
Thì còn lo sợ gì ?
(Dhammapada)

(Kỳ sau : Khổng giáo)

QUANG-PHONG
(Vinh-mỹ)

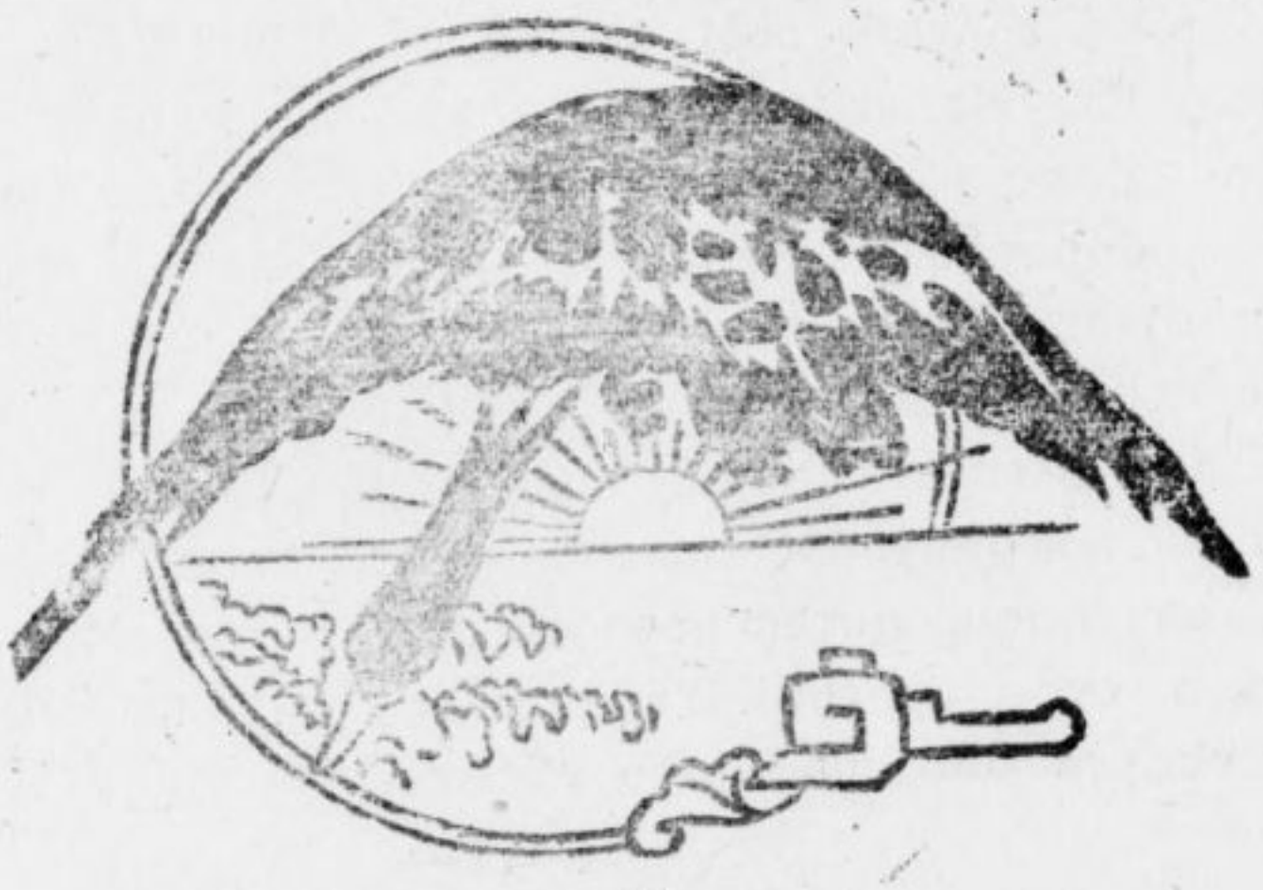

https://tieulun.hopto.org

HIỀN-TRIẾT HY-LẠP

EPICURE

TIỂU-SỬ. — Epicure (341-270 trước Thiên Chúa) sanh trưởng tại đảo Samos. Cha làm thầy giáo, mẹ làm thầy pháp. Hồi nhỏ ông thường theo mẹ đặng giúp đỡ trong việc phù thủy và có lẽ vì vậy mà ngày sau ông rất công kích dị-đoan. Một ngày kia, nơi trường học, ngẫu nhiên ông nghe câu thơ nầy của Hésiode : « Nguyên-thủy là hôn-mang » bỗng trong lòng ông nảy ra cái ý muốn học triết lý. Ông theo học nhiều thầy. Lên 18 tuổi ông có đến Athènes học với Xénocrate. Nhưng học-thuyết của Démocrite nói về nguyên-tử và hư-không làm cho ông rất chú ý. Đến năm 36 tuổi, ông trở lại Athènes mua một miếng vườn để lập trường dạy học.

Ít nhà hiền triết nào được đồ đệ tôn trọng và thương mến như Epicure. Có người muốn thờ ông như thần linh vậy. Không có vợ, ông sống một đời trong sạch, tiết độ và khổ hạnh. Ông đau đớn vì bị bịnh có sỏi đá trong bàng quang, nhưng vẫn vui vẻ đến chết. Ngày cuối cùng, ông có viết một bức thơ cho đồ đệ là Idoménée như vầy : « Ta viết bức thơ nầy trong một ngày quang đãng hạnh phúc mà cũng là ngày cuối cùng của đời ta. Đau đớn đến cực điểm, nhưng nhớ đến lúc chúng ta bàn triết lý với nhau, thì cái ký ức đó làm cho ta rất hoan lạc và nghe đở nhiều. Xin hãy gắng chăm nom giùm cho cái cũa Métrodore là người lúc nào đối với ta cũng hết lòng. »

Métrodore là đồ đệ được Epicure yêu nhứt và chết trước ông, chẳng khác nào Nhan-Hồi đối với Khổng-tử vậy.

Sau khi Epicure chết, các đệ tử, trong ấy có phụ nữ, rất thương tiếc. Nơi trường, mỗi tháng, nhằm ngày hai mươi thì họ tựu lại ăn yến gọi là để nhắc nhở kỷ niệm người quá vảng và ngày sinh nhựt của Epicure thì họ làm lễ rất long trọng. Muốn tỏ rằng đã thoát ly với dị đoan, mỗi người đeo một chiếc nhẫn hoặc một cái mề-đay có hình ông.

Epicure có viết nhiều sách, nhiều thơ từ, một tập cách ngôn tóm tắt học thuyết mà học trò có lẽ phải thuộc nằm lòng. Ngày nay không quyển nào còn nguyên, chỉ có ba cái thơ và tập cách ngôn mà thôi. Văn của ông không được suông sẽ, uyển chuyển như của Platon và Aristote.

https://tieulun.hopto.org

HỌC THUYẾT. — Khác với Platon và Aristote, Epicure không trông mong gì ở sự sữa đổi xã hội để gây hạnh phúc cho loài người. Ông chỉ lo đến sự giải thoát trong lòng, quan tâm đến *cá-nhơn* mà thôi. Học-thuyết của ông cốt ở tu thân : mục đích là phá tan những sự tin tưởng sai lầm của công chúng đặng định chắc sao là chí thiện. Mà điều làm rối tâm tri của người ta, làm trở ngại hạnh phúc của nhơn loại hơn hết là sự băn-khoăn lo sợ đến một thế giới vô hình huyền bí. Vậy phải có một *vô trụ quan* rõ ràng đặng đuổi cái sợ đó đi. Nhưng vô trụ quan phải căn cứ ở phép tắc có thể phân biệt được chơn lý với sai lầm ; định đoạt những phép tắc ấy là mục đích của luận lý Thế nên, học thuyết Epicure gồm lại mấy điều nầy : *luận lý* bảo đến chơn hạnh phúc ; *hình nhi hạ* (physique) để phá tan lòng lo sợ quỉ thần và sự chết ; *luận lý* để phân biệt thật và giả.

LUẬN-LÝ.— Theo Epicure thì có ba tiêu-chuẩn (critérium) cho chơn-lý : là cãm giác, ý niệm và tình-cảm. *Tình cảm* chỉ cho ta biết được khoái lạc hay là đau-khổ do ngoại giới. Còn *ý niệm* chỉ là dấu vết cũa cảm giác nhiều lần đả kích thích giác quan ta. Thế thì tiêu chuẩn cốt-yếu của chơn-lý là *cãm giác* vậy. Nếu ta không dùng đến giác quan, thì không biết làm sao mà phân biệt hư-thực được nữa. Muốn tránh lòng nghi-ngờ thì phải tin ở cảm giác. Khi ta thấy rằng giác quan ta lầm thì thật là tại ta phán đoán lầm mà thôi. Cái gì định chánh được giác quan ? Phải lý trí chăng ? Nhưng tri thức (connaissance) của lý-trí là do ở tri thức cũa giác quan. Còn giác quan có mâu thuẫn nhau chăng ? Nhưng mỗi giác quan có cãm giác riêng của nó. Không thể đem so sánh với nhau được. Tóm lại *cảm giác (sensation) là nguồn gốc cũa tri-thức mà cũng là tiêu chuẩn cũa chơn lý nữa.*

HÌNH-NHI-HẠ.— Trừ ra một vài chi tiết, vô trụ quan của Epicure đều giống với cũa Démocrite. Trong trời đất chỉ có vật. Những vật thì do vô số nguyên tử hiệp lại mà cấu thành. Nguyên tử thì không phân tách ra nhỏ hơn nữa được, bổn chất đều như nhau và không biến đổi ; đặc tánh là hình trạng lớn nhỏ, và có sức nặng. Nguyên tử, nhiều vô cùng, cách với nhau bằng khoảng không, và chẳng tùy thuộc nhau. Nó có định đấp liên lạc là do chuyển động làm cho cái nầy đụng chạm với cái kía. Nó có sức nặng (trọng lực) làm cho nó rơi xuống song song nhau như hột mưa. Epicure khác với Démocrite ở chỗ nầy là muốn cắt nghĩa tại sao nguyên tử đụng chạm với nhau?

https://tieulun.hopto.org

Epicure cho rằng nó có thể *bỗng nhiên rơi lệch ra ngoài đường thẳng*. Thành ra nguyên tử rơi sau mới đụng chạm vào đó. Nhờ vậy mà vũ-trụ mới sanh thành. Đả thành rồi vũ trụ biến chuyển do những luật nhứt định. Theo đây ta thấy không cần có một đứng thiêng liêng vô hình nào mới cắt nghĩa được võ trụ ; và võ trụ không có cứu cánh mục đích gì cả.

Đả không có Trời, còn quỉ-thần có hay không, theo như dân chúng đả tin ? Epicure tin rằng có ; nhưng cho quỉ thần là các đấng siêu nhơn, được hạnh phúc, không quan tâm gì đến nhơn gian, cũng không khi nào can thiệp đến. Vã lại, quỉ thần không có tạo ra vạn vật. Thật vậy, vì lẻ gì tạo ra vạn-vật ? Vì lòng thiện chăng ? Nhưng trên thế gian biết bao nhiêu là chuyện ác. Mà nếu cố ý gây ra đều ác, thì quỉ thần phải rất ác. Vô lý ! Nên chi tốt hơn là cho rằng quỉ thần không có tạo ra vạn vật

Theo Epicure thì linh hồn không phải là bất-diệt. Nó tiêu khi xác chết. Người ta thấy rằng linh hồn phát sanh ra một lượt với xác thịt, nẩy nở, phát triển khi xác lớn lên, và khi xác mất thì hồn cũng không còn biểu lộ ra được nữa. Hồn lấy xác làm chỗ dựa, xác tiêu thì hồn còn dựa vào đâu được ?

Tóm lại, mục đích hình-nhi-hạ-học của Epicure là *bẻ gãy ba cái xiềng xích này*, là : sợ chết, sợ địa-ngục và sợ quỉ-thần.

LUÂN LÝ.— Người ta chỉ còn đối đầu với *thiên nhiên* mà thôi ; trong vỏ trụ thiên nhiên nầy, người ta nên lấy cái gì làm chí thiện ? Aristippe nói khoái lạc (plaisir) ; Épicure nói *hạnh phúc*. Người ta được tự do ý chí mà gây hạnh phúc cho mình, nhưng phải hiểu cho rõ sao là hạnh phúc. Theo ông, tìm hạnh phúc là nguyên nhơn mà cũng là cứu cánh cũa sự hoạt động.

Epicure phân biệt hai thứ khoái lạc : một thứ thì yên tĩnh, bền bỉ, tức là *không đau khổ về thân thể và tinh thần*, còn một thứ nữa thì hăng hái hoạt động, nhưng tạm thời. Theo ông, thủ khoái lạc sau nầy chỉ là phương tiện đặng được thứ trước. Thí dụ : đói bụng là khổ ; ăn vô thì sung sướng, nhưng tới khi no rồi thì không sung sướng nữa, mà cũng không còn khổ nữa. Trạng thái đó là khoái lạc yên tĩnh vậy. Người ta tưởng rằng trạng thái không sướng, không khổ là trạng thái trung dung, giữa một bên khổ, một bên sướng. Epicure cho rằng nghĩ như thế là lầm. Ông nói trạng thái ấy là trạng thái *sướng cùng cực* vậy, và nó là *mục đích* của sự khoái lạc hoạt động.

https://tieulun.hopto.org

Đó là bàn về khoái lạc vật chất. Còn khoái lạc tinh thần chỉ là ký ức cũa khoái lạc vật chất mà thôi, kèm thêm một mối hy vọng ở tương lai. Nhưng chỗ nầy rất đặc biệt của tư tưởng Epicure, là ông che rằng *khoái lạc tinh thần có giá trị hơn khoái lạc vật chất*. Vì khoái lạc vật chất chỉ ở trong hiện tại ; còn khoái lạc tinh thần vừa ở trong hiện tại, vừa ở trong dĩ vãng và tương lai.

Thành thử, nhờ tinh thần mà ta lướt qua được sự khổ não hiện tại và thấy sống là hạnh phúc. Đành rằng trong đời có nhiều sự khổ. Nhưng nếu so sánh toàn thể những khoái lạc ở đời với tất cả sự đau khổ thì sẽ thấy khoái lạc nhiều hơn. Vả lại, một sự đau khổ, nếu đến cực điểm bao giờ cũng ngắn. Người ta đau quá thì ngất đi không còn biết gì nữa, tức là không biết đau nữa. Có nhiều bịnh trầm trệ lày lất ; nhưng thỉnh thoảng cũng cho ta được hưởng khoái lạc, nó đền bù, có dư, những lúc đau đớn.

Epicure lại còn nói rằng vì người ta lo nghĩ đến điều khổ quá, thành ra người ta thấy đời tối đen. Thí dụ : sợ chết. Tại sao sợ chết ? Lúc ta đang sợ là ta chưa chết ; khi ta đã chết rồi, thì ta còn đâu đó nữa mà hòng sợ. Ông khuyên người ta nên nghĩ đến điều vui mà thôi. Thay vì đi tìm cái vui vật chất nó làm cho người ta đau khổ nhiều ; nên giữ cái tâm mình cho yên ổn thơ thới. *Thân không đau, tâm không khổ, đó là điều kiện cốt yếu để gây hạnh phúc*. Đây ta thấy cái quan niệm diệt khổ của Epicure tương tợ với cái cách giải quyết của Phật giáo. Hai bên cũng đều tìm trạng thái, trong ấy tâm được yên tĩnh, quân bình, có mà như không, không mà như có.

Vì không hiểu cái chỗ cao diệu của tư tưởng Epicure, người ta đâm ra sa mê khoái lạc vật chất, tưởng như vậy là trúng đạo. Thành thử, đến sau, tên Epicure lại tiêu biểu cho hạng người ăn chơi, không có cao vọng gì cả.

Kết luận ; hồi xưa, học thuyết của Epicure rất thạnh hành, có tánh cách gần như một *tôn giáo*, tràn lan qua đến Italie. Nơi ấy người đại biểu cho tư tưởng Epicure là Lucrèce, có viết một tập thơ trường-thiên nhan là « De natura rerum » để giảng giải và ca tụng cái tư tưởng ấy.

LÊ-CHÍ-THIỆP

https://tieulun.hopto.org

Lược khảo về chế-độ cai-trị người

MINH-HƯƠNG

Ở NAM-KỲ

I.— CHÚT ÍT LỊCH SỬ

Thũy Chân-lạp (nay là Namkỳ).

Ội rề người Minh-hương rất sâu-xa và có liên-quan mật-thiết đến một đoạn lịch-sử của xứ Nam-kỳ về thế-kỷ thứ 17.

Trong bài « *Lược khảo về lịch sử người Tàu ở Nam kỳ* » (1), chúng tôi có nói đến một phái người Minh, nhơn muốn tránh ách nhà Mãn-Thanh, nên lia xứ sang nương-náu đất

Các Chúa Nguyễn nhờ sức họ khai-thác mở đường tấn-triển xuống miền Nam và lần lần chiếm trọn đất Thũy chân-lạp của người Miên.

Đến năm Mậu-dần (1698), khi sắp đặt việc cai trị ở Đông-phố (Gia định) và Đồng Nai (Biên hòa), Chúa Nguyễn Phúc Chu nghĩ công lao của người Minh nên chẳng những không ép buộc họ sáp nhập với dân bổn xứ, mà lại còn cho họ đặc ân biệt lập thành thôn xã riêng. Nhơn đó mới có xã Thanh hà ở Trấn biên dinh (Biên hòa) và xã Minh hương ở Phan trấn dinh (Saigon—Chợlớn—Giađịnh).

Đồng thời ở Phú xuân (Huế) và ở Hội an (Faïfo) củng có hai làng Minh hương được thành lập.

Tiếng « *Minh hương* » có từ đó và để chỉ một thôn, một xóm cũa người Minh ở. Chọn hai tiếng ấy, có lẽ người Minh ngụ ý nuôi lấy chút quốc hồn trong khi lưu lạc quê người đất khách, hoặc giả họ cam phận tha hương cầu thực nên muốn riêng lập một « *quê hương* » nho nhỏ để chung sống và giúp đở lẫn nhau.

Về sau, trong công việc sanh sống hằng ngày, không tránh khỏi sự đụng chạm giữa nhóm người Minh ấy với đám lưu dân từ hai tỉnh Quảng bình, Quảng ngãi vào. Kết quả của sự đụng chạm đó đả sanh ra một hạng lai, cha người Minh, mẹ

(1) Xem Đại Việt số 4, 5 và 6.

https://tieulun.hopto.org

người Việt-nam. Theo chế độ phụ quyền, hạng người lai ấy đều lấy họ cha, tự nhận là người Minh cả.

Tuy vậy trong số đó cũng có những người lai mà cha mẹ là người Thanh hoặc người Mãn đã chịu bỏ lệ dóc-bin về phe với người Minh, vì họ thấy người Minh nhơn có công trạng với vua Việt-Nam nên được biệt đải và được phần dễ dàng trong công ăn việc làm.

Tháng ngày qua, như một vết dầu trên trang giấy, số người lai ấy ngày thêm đông và khắp các làng cũa đất « Lục tĩnh » đâu đâu cũng có họ len lỏi đến sanh cơ lập nghiệp. Do đó trong mỗi tĩnh đều có nhiều xóm người Minh ở và những người trong xóm ấy đều được gọi là người « *Minh-hương* ». Lâu thành lệ, tiếng *Minh-hương* trước kia để chỉ một thôn, một xã của người Minh, sau lại dùng để gọi những người lai, cha Tàu mẹ Việt-Nam, mặc dầu người cha là thần-dân của người Minh, hay nhà Mản-Thanh.

Còn một đặc-điểm nầy nữa là chữ « *xả* » dùng trong danh từ « *Minh hương xả* » chỉ là một dả định về mặt cai trị, không đúng với nghĩa chánh cũa nó là hương, thôn. vì « *xã* » cũa người Minh hương không có đất đai ranh giới và người trong « *xả* » ấy cư ngụ ngay trên đất của làng, xã Việt-Nam. Tiếng « *Minh-hương xả* » đả có từ năm mậu-dần (1698) nên được thừa nhận bởi được ưng - dụng lâu ngày. Xả Minh-hương lúc bấy giờ chẳng khác nào một bang người Tàu ngày nay. Trong xả có người cầm đầu chịu trách-nhiệm về thuế-má.

Khi còn thuộc quyền cai trị của Nam triều, người Minh hương phải trả một đầu thuế cao hơn thuế thân của người Việt Nam, nhưng không bằng phần thuế mà người Tàu phải chịu. Thuế thân cũa người Minh hương do xã-trưởng của họ đặt cữ thâu nhận. Ngoài ra thuế điền và thuế sanh ý thì do xã-trưởng Việt-Nam thâu, vì họ đứng chung bộ với người bổn xứ. Có nhiều đạo sắc lịnh cũa bổn triều nói về thuế vụ của người Minh hương. Đáng để ý là đạo sắc lịnh ban hành năm Ất-dậu, Minh Mạng thứ 6 (1825) giảm thuế cho người Minh hương nghèo ở Gia-định, và hai đạo sắc lịnh ban hành năm Mậu-tí, Minh-Mạng thứ 9 (1828) và Tân sữu, Thiệu-Trị thứ 1 (1841). Đạo trước buộc người Minh hương ở Gia định phải trả thuế bằng bạc, chớ không bằng tiền như trước. Đạo sau lại cho phép người Minh hương trả thuế bằng tiền và định giá một lượng bạc là chín quan.

https://tieulun.hopto.org

Đến năm Kỷ dậu, Tự Đức thứ 2 (1849) có một đạo sắc lịnh tha nữa phần thuế cho những thi sanh người Minh hương.

Về qui tắc lập xã Minh hương thì có đạo sắc lịnh ban hành năm Nhâm dần, Thiệu Trị thứ 2 (1842), Theo đó thì từ 5 người trở lên, người Minh hương được phép xin lập một xả riêng. Đạo sắc lịnh nầy còn nói rỏ về việc buộc người Minh hương phãi khai tên vào một bộ riêng và cấm họ đứng theo bộ cũa người Tàu, cùng cạo đầu dóc bính.

Về hôn nhơn giữa người Minh hương và người đàn bà Việt-nam đã có sắc lịnh ban hành năm Kỹ sữu, Minh mạng thứ 10 (1829) định rõ. Theo đó thì vợ chồng người Minh hương, cã con của họ, đều không được về Trung-quốc.

Người Minh-hương còn được đặc-ân là miễn công sưu và khỏi bị bắt lính. Nhưng quan hệ nhứt có lẻ là việc Nam-triều cho người Minh-hương được quyền ứng thi và được bổ dụng trong quan trường. Cái mạng lịnh nầy cho ta thấy rõ cái chánh sách cai trị rất khôn khéo của các vì vua xưa là mở rộng cửa đón nhơn tài trong hàng Minh hương và lưu họ ở lại trong nước để cho dân số được thêm đông.

Tuy nhiên luật phép nhà vua không công hiệu bằng tập quán của dân. Trải mấy đời chung sống, người Minh hương và người Việt-Nam cơ hồ đã sáp nhập với nhau không còn phân biệt rỏ rệt được nữa. Việc ấy cũng do nhiều lẽ.

Lẻ thứ nhứt là tuy rằng ngoài xã-hội người Minh-hương theo họ cha là người Tàu, nhưng trong gia-đình họ vẫn chịu ãnh hưởng của người mẹ Việt-Nam nhiều, và từ cách ăn thói ở đến lời nói việc làm, rỏ ra họ không còn « *Tàu* » chút nào cã.

Lẽ thứ hai là một số đông người Minh hương vì nghèo khó không trã nổi món thuế riêng cũa hạng đó nên di cư sang làng khác làm ăn. Do đó họ không còn đứng tên trong bộ của xả họ nữa và lâu ngày họ được kể như dân ngụ và chịu thuế theo người Việt Nam. Dầu cho về sau con cháu họ có làm giàu trở lại, phần đông chúng cũng quên mất gốc-tích xưa cũa ông cha và đứng tên luôn trong bộ làng theo người Việt Nam.

Lẽ thứ ba — mà đây là một bằng cớ xác thực để chứng cho sự sáp nhập đó—là bao giờ công danh cũng quến rũ được con người trần thế. Nhờ vậy nên trong quan trường cũa bổn triều có nhiều vị quan cao cấp đầu không phãi chánh tông người Minh hương, nhưng ít nhiều trong huyết-quản không khỏi có máu Tàu của tổ tiên để lại. Chúng tôi xin dựa theo sách sữ tạm kể vài người :

https://tieulun.hopto.org

1°) *Ngô Nhân-Tĩnh* (? — 1813), gốc người Quảng-đông. Gặp hồi Minh mạt Thanh sơ, tổ tiên ngài không chịu thần phục nhà Mản Thanh và theo tục dóc binh nên sang qui phục chúa Nguyễn. Ngài làm đến chức Công-bộ Thượng-thơ, lảnh Hiệp trấn Gia định thành (1).

2°) *Trịnh-hoài-Đức* (1765-1825), tổ tiên là người Phước-kiến đời đời làm quan. Thời bấy giờ ngài là một danh sĩ tiếng tăm lừng lẫy và cùng với Ngô-nhân-Tĩnh, Lê-quang-Định hiệp làm «Giadịnh tam gia thi » Ngài có trước tác được nhiều sách có giá trị, đến nay hẩy còn, như : Giadịnh thông chí, Bắc sữ thi tập, Cấn trai thi tập. Năm Tân-tị, Minh-Mạng thứ 2 (1821) ngài được thăng thọ Hiệp-biện đại học-sĩ, lảnh Lại bộ Thượng thơ kiêm lảnh Binh bộ Thượng thơ, sau đổi lảnh Lại Lễ nhị bộ thượng thơ. Sau ngài được truy tặng Thiếu phó Cần-chánh-điện đại học sĩ (chánh nhứt phẩm 1-1). (2).

3°) *Lâm Duy-Hiệp* (? – 1863). — Về cội rễ của ngài, thấy trong sữ chép là « kỳ tiên Bắc quốc nhân », song không rõ đến ngài là mấy đời. Ngài làm quan đến chức Phụ-chánh đại thần. Năm Nhâm tuất (1862), ngài đả cùng cụ Phan-thanh-Giản lảnh sứ mạng vào Namkỳ điều đình với Chánh - phủ Pháp và ký hòa ước 5 Juin 1862. (3)

Mặc dầu thế cũng có nhiều gia đình Minh-hương cố-cựu, trưởng-giã, rất tự phụ về cái gốc rễ người Minh của mình dầu cho một số đông không còn nhớ kỷ tổ - tiên của họ là người Minh hay người Mản thanh.

Họ tự tôn, tự đại, ít giao thiệp chung chạ với người bổn xứ và họ lấy cái đặc ân khỏi công sưu, khỏi đi linh lưu truyền từ xưa làm bực thang phân chia giai cấp.

(Còn nữa)

KHUÔNG-VIỆT

---

(1) Xem tiểu sữ Ngô nhân Tĩnh của Nguyễn Triệu trong tạp chí Tri Tân số 6 ngày 8 juillet 1941. trang 15.

(2),— Xem tiểu sữ Trịnh hoài Đức của Nguyễn-Triệu trong tập chi Tri Tân số 7, ngày 18 7 1941, trang 12 và Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises N° *1* 1941, pp. 29-30.

(3),— Đại-Nam chánh biên liệt truyện, đệ nhị kỳ quyển 27 trang 1b—3b và Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises N° 2 1941 page 125.

https://tieulun.hopto.org

TRI MẠNG VÀ TỰ-CƯỜNG

Trong Cung-oán ngâm khúc có bốn câu :

Quyền họa phúc trời tranh mất cã
Món tiện nghi chẳng trã phần ai
Cái quay bún sẩn trên trời,
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

Đại ý không khác với của bốn câu nầy trong truyện Kiều :

Ngẫm hay muôn sự tại trời
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.

Mấy câu ấy đều chỉ sự tiền định. Ngoài chữ tiền định người nước ta còn nói đến vài chữ khác mà ý nghĩa dường như tương tợ nhau, song hãy còn mập mờ, lẫn lộn. Ca dao có câu :

Cây khô tưới nước cũng khô.
Vận nghèo đi đến xứ mỏ cũng nghèo

Đó là vấn-đề vận : chữ vận nầy đồng nghĩa với chữ thời vận trong câu tục ngữ :

Bốn ba chẳng qua thời vận.

Lại có câu tục ngữ khác :

Có phần chẳng cần gì lo

Đây là vấn đề phần, hoặc nói tiếng đôi là phần số. Thêm vào các chử trên, còn một chữ mạng nữa, mà ta thấy ngay trong lời mở đầu truyện Kiều :

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mạng khéo mà ghét nhau.

Ấy là những chữ mà ta thường dùng nhưng có lẽ ta khó hiểu cho rỏ nội dung. Nay ta thữ tìm xem.

Thí dụ tôi mua một tấm giấy số. Đến kỳ xổ, tôi trúng. Người ta bảo tôi có phần, gặp vận. Phải. Nếu người nói tôi có mạng tôi sẽ cho là nói không trúng chữ. Mạng là thế nầy. Có kẻ muốn ám hại tôi, tôi không hay. Bỗng một trở lực bất ngờ xảy ra, khiến cho sự mưu hại cũa kẻ ấy không thành. Ấy là nhờ mạng tôi lớn.

Vậy, mạng không đồng nghĩa với vận, với phần.

https://tieulun.hopto.org

Nói đến vận là nói đến sự may rủi tình cờ trong một lúc. Vận tốt, may ; vận xấu, rũi. Có vận đỏ, có vận đen. Trong một đời, người ta gặp nhiều lúc đỏ đen, tức là gặp nhiều cái vận.

Chữ phần cũng liên lạc với sự may rũi, nhưng trải qua một khoản thời gian lâu dài. Hôm nay tôi nghèo. Thầy tướng nói tôi có phần làm giàu. Một ngày kia, nếu giàu, tôi sẽ giàu lâu. Tôi không « lên voi xuống chó » lẹ làng như một kẻ cờ bạc đang lăn lóc trong cuộc đỏ đen. Phần gồm luôn ý tiền định ; nên mới nói : « *có phần không cần gì lo* ».

Chữ «mạng» chỉ kiếp sống con người. Mạng có yểu, có thọ, có to, có nhỏ. Người mạng to không dễ bị kẻ khác mưu hại. Nhưng chẳng phải nghĩa cũa chữ mạng trong câu Kiều đả kể ở trên. Trong câu đó mạng là cái phần số tốt đẹp dành sẵn cho một người nào. Tài với mạng, bởi thế mới ghét nhau được. Trong chữ mạng ấy cũng phục sẵn sự tiền định.

Nhà nho lại hay nói đến một chữ mạng với cái nghĩa khác lữa. Kinh Dịch có câu : « *Vui đạo Trời, biết mạng Trời, nên không lo* » (Lạc thiên tri mạng, cố bất ưu). Và có câu phú :

« *Quản từ an bần, đạt nhơn tri mạng* » (*1*).

Mạng nầy nghĩa là gì ? Có hàm ý tiền định không ? Muốn hiểu, trước nên giải rõ chữ tiền định. Đó là cái thuyết do đức tin cũa một hạng người tin - ngưỡng tạo ra. Họ tin rằng mỗi việc làm của chúng ta hằng ngày, cho đến miếng ăn, miếng uống, đều do một Đấng Thiên-Liêng sắp đặt sẵn. Chúng ta là một lũ đi đêm, chỉ hành động theo mạng lịnh kia một cách vô ý thức mà thôi, Người cung nữ trong tập cung-oán tại sao bị kén chọn vào hoàng-cung ? Thúy - Kiều tại sao phải lạc bước phong trần. Đều là vì tiền định vậy.

Với thuyết tiền định, bất cứ chuyện gì ở đời cũng đều giải được cả ; song với cách giãi ấy, bất cứ người nào cũng đều không hiểu cả. Đành rằng có lắm việc xãy ra khiến chúng ta phải nghỉ đến thuyết tiền định : Một đứa bé vừa lọt lòng mẹ đả mắt mù tai điếc. Người kia sanh trưởng trong cảnh phú qui, lòng không bao giờ cãm thấu nỗi đau - khổ cũa bạn cùng loài, kẻ khác suốt đời vất vả trong cảnh cơ hàn tủi nhục. Tuy nhiên những bằng cớ ấy đũ chứng minh sự xác đáng cũa thuyết tiền định chưa ? Đó là tiền định hay ngẫu nhiên ?

---

(1) Ý nói : người quân tử yên vui trong cãnh nghèo, kẻ đạt-nhơn hiểu và tuân theo mạng trời.

https://tieulun.hopto.org

Viết đến đây, tôi cần ngừng lại để uống nước. Tôi vừa hắt xuống đất một phần nước dư trong ly, vọt nước chạm mặt đất, bắn ra chung quanh nhiều giọt nhỏ. Có ai định trước mỗi một giọt phải văng đi nơi nào không ? Hay chỉ là ngẫu nhiên mà thôi ? Sự đời, người đời, biết đâu chẳng ngẫu nhiên như giọt nước ấy ?

Sự tin tưởng thuyết tiền định buộc ta không nhận có tự do về mặt tinh thần, một điều kiện tối cần cho đạo đức. Nếu giữa hai việc phải trái, tôi nhận làm việc phải, mặc dầu việc sau nầy bắt buộc tôi phải chịu cực, hi sinh, và nếu bảo rằng tôi sở dĩ làm việc ấy chỉ vì tiền định, thì thôi, còn gì đáng khen nữa ? Tôi còn biết dựa vào đâu mà thấy vui sướng trong lòng ? Trái lại, nếu tôi nhận làm việc trái để có lợi riêng cho tôi, tôi cũng sẽ không đáng trách và không ân hận chút nào.

Như thế, tiền định và tự do về tinh thần không thể đi đôi nhau. Chúng ta không thể vừa nhận cho thuyết tiền định là xác đáng và tự do về tinh thần vẫn có. Nếu đả tin thuyết tiền định thì nên đoạn tuyệt với tự do về tinh thần, luôn đó với đạo đức luân lý.

Trở lại với chữ mạng của nhà nho. Nếu nó hàm ý tiền định, tất phải chỉ một cái gì đả định trước mà con người không sao sữa đổi. Người tri mạng, theo đó, là người thụ động (passif), người nhu nhược, hoàn toàn chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh. Nhà nho chơn chánh có phải là một nhơn vật thế ấy không ? Không hẳn. Nên kinh Dịch có nói : « *Trời hành động mạnh mẻ, người quân tử theo đó mà tự cường không thôi* » (Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức). Đạo Trời biến chuyển không cùng, xã hội loài người luôn luôn xoay vần trong vòng thạnh suy bỉ thái. Mầm biến dịch phục sẵn trong mỗi sự, mỗi vật. Con người nếu không tiến tất thối, chớ không thể ở được mải một chỗ yên lặng như vủng nước ao.

Nên, nếu làm một người thụ động, phó cho thời thế xoay vần tất không mong gì đi đến sự hưng-vượng. Huống chi sách Trung-Dung có nói rằng : «*Trời sanh vạn vật, nhơn cái tài của mỗi vật mà giúp thêm vào, cho nên vật nào có thể vun bồi thì vun bồi cho tốt thêm, vật nào nghiêng lệch thì làm cho đổ đi.*» (Thiên chi sanh vật, tất nhơn kỳ tài nhi đốc yên, cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi) Lẽ « tài bồi khuynh phúc » chẳng khác nào lẽ « mạnh được yếu thua » mà ta thường nhắc đến trong thời đại cạnh tranh nầy. Nhà nho đả biết lẽ ấy mà vẫn

https://tieulun.hopto.org

nói đến chữ mạng, thì chữ mạng hẳn không gồm có nghĩa tiêu định vậy. Nó khác với chữ mạng thông-thường về chỗ đó. Nó còn khac nhiều nữa.

Nho-giáo coi vũ-trụ là động. Đã động tất biến, đã biến tất hoá, đã hoá tất thành. Cuộc biến chuyển của mỗi vật đều có nhiều giai đoạn. Mỗi giai đoạn là một hình thức. Ta thử xem các giai đoạn lớn trong cuộc biến chuyển cũa một cây lúa. Đầu tiên nó là cai hột. Nằm chỗ đất ướt, hột lúa nứt mộng. Mộng lúa lần lần thành mạ. Mạ hoá ra cây lúa. Lúa trổ hoa. Hoa kết hột. Đời lúa, xem thế, phát biện ra nhiều hình thức. Nếu lúa có ý-thức trong cuộc đời của mình, lúa sẽ nhận thấy mình đả trải qua nhiều địa vị. Khi thì thu hình dưới lớp vỏ vàng như một khách ẩn dật; khi thì làm cây mạ thướt tha, yểu điệu như một thiếu nữ đai các phong lưu, khi lại vượt hẳn lên cao, phô những chùm bông khả ái. Ở mỗi một địa vị, lúa hợp với một lối sanh hoạt riêng. Ánh nắng gay gắt về tháng chạp khiến hột lúa thêm vàng hoe và rắn chắc. Giọt mưa chứa chan về tháng sáu làm cho cây mạ thêm mạnh mẽ, xanh tươi. Nếu thời tiết điều hòa, thì từ khi nứt mầm đến khi kết quả, lúa sẽ cảm thấy cái sanh thú êm đềm mặc dầu trãi qua những cơn mưa sa nắng táp. Và nếu lúa biết triết lý, hẳn lúa cũng sẽ nói như nhà nho đả nói :
« *lạc thiên tri mạng* ».

Con ngươi, trong cuộc đời, cũng trải qua nhiều cảnh ngộ như cây lúa kia vậy. Ta thử tưởng tượng một dòng nước. Phát nguyên từ một ngọn núi cao, dòng nước lăn nổi chãy ra biển. Trong cuộc viễn lưu ấy, có khi nó làm cái thác cao đêm ngày ào ào gầm thét, có khi nó nhẹ nhàng uốn khúc giữa đám cây cối um tùm, có khi nó mỡ rộng ra, có khi nó thâu hẹp lại. Dòng nước ấy là đòng đời. Chúng ta là một đàn cá bị lội cuốn trong đòng ấy. Đến chỗ thác cao, chúng ta gặp phải một cãnh tượng hải hùng khũng khiếp : gặp chỗ êm ái, chúng ta tha hồ hưởng thú thong thả an nhàn ; ở nơi rộng, chúng ta vẫy vùng ; ở khoãn hẹp, chúng ta len lõi.

Mỗi một cảnh ngộ đưa đến cho ta đó, không phải tự chúng ta muốn mà được, hoặc không muốn mà không được. Nó đến tự nó, do luật biến chuyển tự nhiên. Đó là cái mạng. Vậy, mạng chẳng khác nào cái cảnh ngộ xảy đến từng lúc cho ta. Cảnh ngộ ấy có khi tốt, khi xấu. Ta hãy biết tùy lúc đối phó. Mỗi một lúc, có một cách đối phó thích hợp riêng biệt.

https://tieulun.hopto.org

Biết cách đối phó thích hợp riêng biệt ấy, là biết tùy thời. Cho nên nhà nho vừa nói tri mạng, cũng vừa nói tự cường.

Sở dĩ phải tri mạng, bởi vì con người dầu tài lực đến đâu, có lúc cũng kgông sao thay đổi được cảnh ngộ riêng của mình hoặc tình thế chung của xã hội Nếu người đã bị xữ vào cảnh ngộ ấy mà không biến cái lẽ tất nhiên như thế rồi lấy làm bực tức đến nỗi phải thở than oan trách đâu đâu, thì không phải là hạng đạt giả.

Sở dĩ phải tự cường vì dầu khi không thể thi thố được tài năng của mình, người ta vẫn phải chăm lo rèn luyện mãi tâm hồn, trí não của mình để khỏi một ngày kia, sẽ đến thời-kỳ mà mình có thể vẫy vùng hoạt động được.

Tóm lại, tri mạng là cách giữ lòng cho được bình tĩnh, khỏi phải phiền não vô ích trong lúc bất đắc chí. Cho nên tri mạng, hay an mạng, hoặc sĩ mạng, đó không phải là thái độ của hạng người nhu nhược mà là của hạng minh triết rất am hiểu thời-cuộc. Họ là cây sậy tự trì và tự lượng, uốn mình dưới trận gió điên cuồng của thời cuộc, để rồi mà đứng thẳng lên. Trong lúc uốn mình đó, cái sức quật khởi vẫn chực sẵn trong thân cây. Tri mạng không trái với tự cường là thế.

•TRÚC-HÀ

ĐẠI-VIỆT NGHỈ TẾT

Đại-Việt Tập-chí rasố 8 nầy rồi, xin kiếu lỗi bạn đọc, nghỉ một số ngày 31 Janvier, đến ngày 16 Février mới xuất bản tiếp.

Sở dĩ tập-chí *Đ. V.* phải nghỉ một số là để cho anh em trong bộ Biên-tập được rảnh rang, hiệp với bộ Biên-tập «*Nam-Kỳ Tuần-Báo*» lo bài vỡ hầu xuất-bản Số Tết Nam-Kỳ cho thêm phần đặc-sắc.

Cái bìa Số Tết *N. K. T. B.* do nhà danh họa Lê-văn-Đệ vẽ giúp.

Muốn cho độc-giả *Đ. V. T. C.* khỏi bị thiệt thòi vì sự nghỉ Tết của tập-chí *Đ. V.* chúng tôi sẽ gởi tặng bạn đọc *Đ V.* một số Tết *N. K. T. B.* làm vật kỷ-niệm trong dịp Nguơn-đán và nhơn tiện cũng để bày tỏ cho các bạn thấy, tuy văn-chương của báo *N. K.* có lánh cách bình dân hơn *Đ. V.* song cũng rất xứng đáng cho các bạn trí thức trong nước thưởng thức.

Trước khi từ giã qui bạn để nghỉ Tết, Bổn-chí đồng-nhân xin chúc cho qui bạn, bước qua năm mới, được vạn sự như ý.

Đ. V. T. C.

https://tieulun.hopto.org

TRỞ LẠI BỊNH BAN

Từ vua Louis XIV tới vua Đồng-Khánh

RONG rừng tiểu-thuyết, nhiều văn - sĩ đả kể cho chúng ta nghe bao nhiêu cuộc gặp gỡ đầy thơ mộng giữa một thiếu-nữ xinh tươi ở mạn-ngược đường rừng và một du-khách giang hồ. Bởi vậy, khi chơi thuyền trên Ba-bể lòng theo mặt hồ man mác, hoặc lúc thơ thẩn giữa rừng xanh, hồn cùng mây núi chập chờn, ta lại nhớ đến tiếng tỳ-bà nơi bến tầm dương. Ta ước ao gặp những cô gái Thổ, dáng yêu kiều tha thướt, lòng trong trẻo thơ ngây, để ta hái một vài kỷ niệm êm đềm, dầu trong chốc lát, như người đem ép cánh hoa hồng để nhớ lấy mùi thơm. Để mai kia ta có dịp bồi hồi cảm động khi nghe câu hát buồn tanh của những cô gái Thổ, mà một nhà văn đả dịch ra :

« Sông Thao nước chảy về xuôi,

Lòng em mong mỗi nhớ người phương xa. »

Nhưng giai nhân đâu tìm mải không gặp. Quanh mình ta, chỉ nhìn thấy những đàn bà và thiếu nữ cổ to như buộc quả đào, vì mang cục bướu (goître). Càng đi xa vào non cao, số người có tật càng nhiều, đàn bà đông gấp ba đàn ông. Ai ai cũng có nước da xanh xanh bủng bũng. Cảnh ấy làm cạn nguồn văn và khô thi hứng.

Rồi bên đường khách nên dừng bước một vài hôm. Khách lấy làm lạ sao gia đình Mán - Thổ ngoài Bắc hay người Mọi trong Nam rất ít con. Nào phải là tại đàn bà họ ít sanh đẻ. Trái lại, phụ-nữ họ vẫn luôn luôn vui lòng nhận sứ mạng của trời ban ; khác với phần đông đàn bà « văn minh » và ích kỷ. Nhà họ ít con nít, vì bởi số tử gấp đôi số sanh, bao nhiêu bào thai chưa nên hình đả hư, bao nhiêu hài nhi ngả dưới lưỡi phản của Tử-thần khi vừa biết đi biết nói.

Nòi giống đi lần lần tới ngày tiêu diệt, vì tại « *rừng thiêng nước độc* » thứ mà ngày nay y-học gọi là *bịnh sốt rét ran* (paludisme).

https://tieulun.hopto.org

Rừng thiêng nước độc ấy cắt nghĩa vì sao mấy trăm năm trong lịch sử, dân tộc ta cứ theo đồng bằng mà tiến vào Nam, bỏ núi bỏ rừng, đi giành từ tấc đất cùng Chiêm-thành và Chân-lạp, Tiếng gọi của tâm linh mà chắc cũng là lời khuyên của kinh nghiệm, đã xúi ông cha ta tìm chỗ nào ít muỗi, ít độc, hầu tránh bớt tai hại. Tìm đồng bằng phì nhiêu để trồng tỉa, vì lòng no cật ấm, bịnh thành nhẹ đi, như chúng ta sẽ rõ trong một bài tới. Nhưng bịnh sốt rét cơn vẫn không lìa bỏ ta do đó mà ngày nay trong tự vị có tiếng *Ban*, tiếng *Ban* ở trên đầu lưỡi mỗi người dân Annam, và mỗi ông lang đều lợi dụng để kiếm tiền. Từ anh bạch đinh khốn khổ nhứt đời, cho tới đấng cữu trùng giàu sang hơn trăm họ, ai cũng sợ « *Ban* », có thể chết vì *Ban*. Chúng ta hãy cùng đọc với nhau một trang sử ký :

« *Triều Đồng-khánh đương lứa hẹn không biết bao hy vọng tốt đẹp, cái chết của nhà vua bỗng đến thình lình như sét đánh, làm cho thiên hạ bịa đặt ra ngàn chuyện lạ thường ; sự bịa đặt ấy dễ tha thứ khi người thác là một ông vua Á đông. Mặc cho miệng thế thêu dệt sự hoang đường về cái chết do một nguyên nhân hết sức tầm thường gây ra, bịnh SỐT RÉT CƠN ĐỘC HẠI (accès pernicieux), ta theo chứng cớ xác thực để kể chuyện xảy qua.*

« *Bảy tám ngày rồi, vừa Đồng-khánh than nhức đầu, và khí sắc cáu nhàu luôn. Ngài ít ăn, và ngủ không yên. Giấc ngủ đầy ác mộng, có khi lại mê sảng làm cho Triều thần lo sợ vô cùng, Đức vua phát sốt. Ngài không ra dự lễ cúng đức Minh - Mạng mà cũng chẳng cho ai vào kiến giá, ở luôn trong ngự phòng.*

« *Các quan ngự y đổi toa thuốc liền liền, nhưng vô công hiệu. Đức vua nổi giận, đuổi ngự y ra hết và xuống lịnh bắt giam ; ngài tỏ ý muốn mời một thương gia lang-sa đến trị. Lúc ấy, quan Khâm-sứ Rheinart ở ngoài Bắc vừa về, cho rước Bác sĩ Cotte, lương y của Thủy binh. Bác sĩ đến, hai ông cùng đi vào cung.*

https://tieulun.hopto.org

«Ngự tháp đặt trong một căn phòng ở sâu tận vào trong xa bí mật và kín đáo nhứt. Quan Khâm-sứ và bác sĩ phải nhờ người cầm đuốc đưa đi cả nữa giờ, trải qua nhiều con đường hẽm và lắm cái nhà dài, Ngự phòng : tường bằng cây đen cao ngút. Mấy ngọn đèn sáp leo lét đưa ra một chút ánh sáng lờ mờ ; Cung nữ và thái giám hầu xung quanh. Vua nằm trên một cái giường rất thấp, cẩn xa cừ, trên trãi chiếu. Đầu gác trên chiếc gối dài và cứng làm bằng tre đương. Mình phủ một tấm lụa vàng lớn.

« Người ta báo tin có khách đến, nhưng ngài đã yếu quá rồi nên chỉ gượng ngóc đầu lên được một chút thôi. Ngài cám ơn nho-nhỏ, và xin lương-y rán trị ngài mau mạnh để ngài sớm lo việc nước. Bác sĩ đến gần xem thật-kỹ, nghe ngực nghe tim ; rồi chẳng chút do dự, cho biết rằng cứ theo triệu chứng bề ngoài mà đoán. đức vua đương mang bịnh sốt rét cơn độc hại. Lương-y cũng chẳng giấu rằng tình-hình rất nguy-ngập, nhứt là khi nấc-cụt giựt giờ nầy sang giờ nọ không thôi. Ông cho bào-chế nhiều chai thuốc nước, dặn-dò kỷ cách dùng, chỉ cho những người ở hầu Đức-vua mấy điều phải làm lúc ban đêm ; rồi ông lui ra, vì theo lề, người ngoại-quốc không được ở đêm trong ngự phòng. Đêm ấy hơi yên ; nhưng thuốc uống vào bao nhiêu vua đều mữa ra. Sáng tinh sương, ngài truyền hỏi bác sĩ bao giờ mới ngồi dậy được, và có thể dùng thức chi ngoài sự uống thuốc hay không ?

«Lẽ cố nhiên bác sĩ không cho ngài dậy—(mà đấy chỉ là ý muốn thôi, chớ sức đả kiệt rồi, còn dậy làm sao nổi)—nhưng cho phép uống một chút sữa pha đường, nếu nhà vua uống được. Nhưng chẳng bao lâu, nấc-cụt trở lại rất dử dội. Chiều bữa 28 Janvier 1889, quan Khâm-sứ được tin rằng bịnh trở nặng, và phải rước thầy thuốc mau mau. Ngài vội vã vào cung, Đi vừa đến cữa, một vị thông ngôn ra báo tin : « Hoàng thượng đã băng rồi ! »

Trích dịch đoạn nầy của Bail'e trong «Souvenirs d'Annam», tôi không phải muốn làm giảm bớt vị đáng chán của một bài

https://tieulun.hopto.org

viết về khoa học, lãnh giết chết đức vua Hàng-Khanh, tức là « *bịnh ban nhập lý* » như người ta thường nói, thứ mà ngày nay nếu biết sớm thì có thể trị mạnh bằng *ki-nin* trắng hay vàng.

Còn « *ngàn chuyện bịa đặt* », sự « *thêu dệt hoang đường* », thì ngày nay vẫn còn luôn, có khi nó lại đi ra từ cữa miệng cũa những người có học. Thế kỹ trước, có lẽ người ta đả nói : đức vua bị ban mà không chịu cho ngự-y trị, đòi uống thuốc Tây nên chết ; hoặc đức vua uống thuốc ta, rồi uống thuốc Tây nên xung khắc nhau ; hoặc đức vua mê sảng là vì bị bịnh tả, tại sao không mời thầy-pháp... Một ngàn cái lưỡi, một ngàn là dâu thúi đỗ trên đầu tầm là ông bác-sĩ, một ngàn vết nhơ cho một xã-hội muốn tiến hóa theo người.

Vì vậy mà phải cần nói đi nói lại, phổ-thông mãi, những điều nên hiểu về *bịnh sốt rét*, thứ bịnh đả choán một phần to trong cái nồi « *Ban* » cũa gia-đình Annam. (**Xem « ĐẠI-VIỆT » số 1**).

Ta bị *sốt rét cơn*, vì trong máu ta có một giống *ký sinh trùng* (chớ không phãi vi trùng), đương đục khoét, Con *huyết-trùng* ấy thuộc về loại *nguyên sanh động vật* (protozoaires) do một môn đồ của cụ Pasteur là ông *Laveran* tìm ra được năm 1880.

Tiếng *paludisme*, gốc nơi chử *palus* mà ra, có nghĩa đầm lầy, nước vũng. Trước ngày đó và sụt lùi lại đôi ba ngàn năm về xưa, từ thời cũa *Hippocrate* là tổ sư cũa y học Tây-phương, người ta tin rằng sốt rét cơn do *chướng khí* và *nước đọng* gây ra, giống như ông bà mình sợ cảnh rừng thiêng nước độc. Đông Tây gặp nhau ở chổ nầy ; và cùng chung một kinh nghiệm, đã đi gần tới sự tìm ra nguyên nhân của bịnh. Vì có nước vũng, ao tù mới sanh ra muỗi. Và nếu chẵng có muỗi làm trung gian, thì bịnh không thể tràn lan ra được.

Tìm xong huyết-trùng cũa sốt rét, ông *Laveran* xướng ra cái ức thuyết rằng chính loài muỗi đem bịnh từ người đau sang cho người mạnh. Ức-thuyết nầy được chứng nhận là xác-thực, sau

https://tieulun.hopto.org

khi các nhà bác học tìm thấy huyết trùng trong mình con muỗi và thí nghiệm nhiều phen. Bên nước Anh vì lạnh quá nên không có muỗi. Người ta chọn những muỗi độc đã cắn người bị bịnh sốt rét bên nước Ý mà gởi về, rồi ông *Manson* đem muỗi ấy cho hút máu đứa con trai ông đương tốt tươi lành mạnh. Ít ngày sau, cậu trẻ liền bị sốt rét cơn (1900). Biết rõ kỷ sanh trùng, hiểu được vai tuồng của muỗi, khoa học đã vén cao bức màn đen che hai chữ « chướng khí » từ mấy ngàn năm, và đưa tên tuổi ông *Laveran* lên đài vĩ-nhân chung của nhân loại.

Tuy nhiên, ông còn có chỗ lầm. Suốt đời ông, ông tin mải rằng chỉ có một giống huyết-trùng chung cho các thứ bịnh sốt rét. Sự thật, rất có nhiều giống; trong số đó, có ba giống thường gặp hơn hết. Vì vậy có thứ sốt-rét cách nhựt, có thứ sốt rét làm cữ cách nhau tới 3 ngày.

Một điều không ai chối cãi, là sự nguy hiểm vẫn giống như nhau; nên ngày nay khắp thế giới đâu đâu nhà bác học cũng lo nghiên cứu phương pháp bài trừ bịnh sốt rét, giải cho nhân loại một cái ách đương đè trên cổ 693 triệu con người (theo thống kê biểu của Hội quốc liên năm 1933).

Lo *bài trừ* cho một đoàn thể, một dân tộc. Chớ nếu chỉ xét về mặt cá nhơn, muốn *trị lành* một người vừa vướng bịnh, y thuật hình như đã đi tới mục đích rồi với mấy món thuốc mới của hóa học đưa ra, càng ngày càng hoàn toàn thêm mải, lắm lúc có thể làm cho ta quên chất *ki ninh* là ân nhân của loài người ngoài ba thế kỷ nay.

Phải, ngoài ba trăm năm rồi, dân da trắng đã trị lành sốt-rét. Lần đầu tiên, năm 1640, phu-nhân của phó vương xứ *Pérou* bên Mỹ, bị sốt rét, bắt chước dân da đỏ bổn-xứ, uống một thứ vỏ cây tán ra mà lành bịnh. Mạnh rồi, bà gởi thuốc tán ấy về Âu-châu đặt tên là « *thuốc bột của bà Nữ-bá-tước* », vì chính tên bà là *Bá-tước El-Cinchon*. Nhưng thiên hạ lại quên đi lần lần, một phần vì sự ghen-ghét của y-sĩ đương thời, một phần vì

https://tieulun.hopto.org

thuốc bị pha ra cho lời nhiều, hoặc bị giả mạo. Cho đến ngày một vị minh-quân của nước Pháp đau.

Cũng như đức Đồng-Khánh của ta, vua *Louis XIV* vướng bịnh sốt rét rất nặng. May cho Pháp-hoàng, nhờ thuốc gia truyền cũa một y sĩ vô danh tên *Talbot* mà thuyên giảm căn bịnh. Vua bèn trả tiền rất mắt để mua món thuốc đó hầu truyền lại cho dân gian Té ra không có chi lạ hơn là thứ vỏ cây *quinquina* cũa Bá-tước gởi về ngày xưa ngâm trong rượu chát. Cũng nhờ đó mà cây *quinquina* lại nổi tiếng, cho đến ngày hóa-học lọc trong đấy ra được chất *quinine* (1820).

Nhờ chuyện ấy, ta biết rằng ngày xưa, bên Pháp cũng có bịnh sốt rét như bên ta, nhứt là các tỉnh miền Nam lại càng thường gặp lắm. Nhưng ngày nay, bịnh ấy không còn nữa, nhờ dân chúng đả tới một trình độ sanh-hoạt rất cao, hiểu rõ nguyên nhân của bịnh và phụ cùng nhà cầm-quyền nhiệt liệt bài trừ. Ao tù, vủng đọng đều lấp đi. Bịnh nhơn biết nghe lời bác-sĩ và trị cho mình thật mạnh. Sức người đả thắng nổi nạn trời, bịnh sốt rét cơn không còn lưu dấu vết gì trong trí nhớ cũa dân Pháp. Tôi còn nhớ khi đi du-lịch bên nước Ý cùng một đoàn lữ-khách dân thành Paris, hôm đến Livourne, lần đầu tiên nhà hàng cho chúng tôi ngũ mùng. Có một cô thiếu-nữ trong đoàn hỏi tôi cái vật ấy tên gọi là gì và để làm chi, làm cho tôi sửng sốt !

Cuộc bài trừ bịnh sốt rét cơn muốn có kết quả, phải nhờ những người cở học nhúng tay vào. Trong một buổi diễn thuyết tại trường Cao-dẳng cách đây vừa đúng mười năm, bác sĩ *J. Bablet*, hiện thời là một nhà bác học lừng lẫy tiếng tăm cũa Instituts Pasteurs de Paris, quay lại sanh viên mà nói : « Cất nhà thương, mở bịnh viện, nào có đủ vào đâu.

« Phải cần dạy cho quần chúng hiểu biết sự ích lợi của những nơi ấy và đoạt sự tin cậy của mọi người. Phải lo giáo dục bình dân ; cái giáo dục ấy sẻ lâu và gặp nhiều trở lực. Nhưng đó là vai tuồng các anh phải làm, bởi vì các anh hiểu rỏ hơn chúng tôi cách cắt nghĩa rỏ ràng, các anh đưa ra được những lý lẻ

https://tieulun.hopto.org

Thế mà ở đời có kẻ ỷ mình là bay, là lớn, mà muốn giành lấy phần hơn ; có kẻ tủi mình là nhỏ là hèn mà e phải chịu phần thiệt, rồi đó trong lối anh em chẳng khỏi sanh lòng ghen ghét, rồi lớn hiếp nhỏ, nhỏ hiềm lớn, hay khi hèn, hèn lớn bay, làm cho cha mẹ buồn lòng, bất hòa với anh em ; nhơn đó mà mang tội thất hiếu với cha mẹ. Còn con nhà nền nếp có thói phép hiếu hữu, thì lớn yêu nhỏ, nhỏ kính lớn, hay thương hèn, hèn phục hay ; dầu cha mẹ quả có lòng thiên tư, thì anh em cũng nhường nhịn cho nhau, miễn làm cho cha mẹ vui lòng, ấy là tròn đạo hữu, tức là vẹn đạo hiếu vậy.

Nhưng thói nhà bất mục, thường nhơn sự phân chia tài sản mà cốt nhục nên nỗi phân ly. Mà cái nỗi đó lại thường khởi kiếu tự miệng đàn bà, vì đàn bà phần nhiều khí lượng hẹp hòi, hễ có chút hơn thiệt trong phần lợi quyền, thì liền cắn nhằn ở nơi cữa miệng. Nếu người đàn ông mà tin nghe lời vợ, thì sẻ coi tài sản là trọng, mà cốt nhục là khinh. Nhưng sao họ chẳng nghĩ tới cái lẽ : *tiền của dễ tìm, anh em khó được* ? Vợ chồng dầu tình thân chăn gối, cũng vẫn là người khác họ nhóm lại với nhau ; chớ anh em vốn chung một thể chia ra, hà nên nghe lời vợ mà trọng tài sản hơn cốt nhục.

Đều đó rất nên quan hệ về luân lý, cái sự phân bì lợi hại mà trọng tài khinh nghĩa kia, lợi chẳng thấy đâu, mà cái hại bất hòa nó sẽ triệu ra điềm chẳng lành ở trong gia đình. Sau đây dẫn một chuyện xưa, khiến anh em trong đời soi thấy tấm gương tỏ rỏ: Sách Tục-Tề Hải-ký chép chuyện nhà họ Điền họ, cha mẹ sanh đặng ba người con trai, để lại một cái gia tài, trối lại cho ba con cùng nhau ăn chung để lộn. Sau khi cha mẹ đã thác, ba anh em vâng lời trối của cha mẹ mà ăn ở hòa hão với nhau, Tới chừng trưởng thành, hai anh đông con, mà người em út thì hiếm hoi. Vợ người con út tính bề hơn thiệt, rồi đó xúi giục chồng mình đòi chia của ra.

Hai anh cực chẳng đã phải đem các món tài sản chia đều làm ba phần. Còn một khóm cây tử-kinh, từ đời cha mẹ trồng tại trước sân, thuở nay vẫn nhành lá sum sê, hoa trái sai tốt ; anh em bàn với nhau định bữa mai cũng xẻ ra làm ba phần nữa. Sáng ra xảy thấy cây tử kinh tự nhiên héo-rầu, dường như sắp muốn chết khô. Người anh cả là Điền-Chân thấy vậy mà ngậm ngùi than rằng : « *Cây kia cùng gốc thương nhau, ngày nay lo phải phân ly, nên tỏ ra hình tiều tụy. Anh em mình đành lòng chia nhà rẻ cữa, ấy là người mà chẳng*

https://tieulun.hopto.org

RƯỜNG VÀNG CỦA CON TỐI

của Mỷ-Ấm TRƯƠNG-VĨNH-TỐNG

(Tiếp theo)

CHƯƠNG THỨ II

ĐẠO NGHĨA ANH EM

HUNG một thể cũa cha mẹ chia ra làm hai, ba, bốn, năm..., ấy là anh em, củng như một gốc cây mà nẫy ra nhành nọ, nhánh kia vậy. Nếu chặt đi một nhành một nhánh, ắt đau đến thân cây mà rụng lá rơi hoa, cái cây ấy sẻ không hoàn toàn tươi tốt được. Cho nên hễ là người đả biết hiếu thảo với cha mẹ, ắt nghỉ tới lẻ đó mà hòa hảo với anh em, để lo gìn giữ giống nòi, coi anh em nghèo như mình nghèo, anh em hèn như mình hèn, anh em đau yếu như mình đau yếu, anh em tũi nhục như mình tủi nhục, cùng nhau lo lắng. giúp đở, binh vực, khiến được chung hưởng hể hạnh phước trong gia đình. Bởi vì trong hàng anh em mà riêng có kẽ nghèo khó, yếu hèn, tức là hư mất một phần thể chung, sẽ không yên lòng cha mẹ.

Một bầy con chung của cha mẹ, có người lớn kẻ nhỏ, cũng có người hay kẻ hèn, mà lòng cha mẹ thương yêu bầy con, chẳng hề có phân biệt hay hèn và lớn nhỏ. Nhưng tấm lòng cha mẹ thương yêu con thường nặng tình về lúc còn thơ ấu, cho nên trong lúc cha mẹ thương yêu con lớn, thì con nhỏ không ngó thấy ; vậy kẽ làm con nhỏ không nên cho rằng cha mẹ thương yêu riêng anh chị cũa mình. Trong lúc cha mẹ thương yêu con nhỏ, thì con lớn thấy thường ; vậy kẻ làm con lớn đừng có ý nghi rằng cha mẹ thương yêu riêng đứa em bé. Cha mẹ dạy con củng vậy, đều một lượt nhủ-bảo cho tới chơn răng kẽ tóc ; nhưng tu- chất có người cao kẽ thấp, rồi thành tài có người hay kẽ hèn. Thậm chi chia của cho con, cha mẹ đối với con lớn, con nhỏ, con hay, con hèn, củng chẳng hề phân biệt.

https://tieulun.hopto.org

làm cho đồng bào xiêu lòng, tã ra được những điều làm cho họ cảm động mà nghe theo.»

Lời vàng ngọc ấy, chúng ta chỉ một mực nghe theo. Một trở lực to, là những thành kiến sai lầm mà ta cần đánh đổ. Muốu bài trừ sốt rét cơn cho nòi giống, ta cần nên biểu rõ ít điều đại cương về bịnh ấy, lật ngã những kẻ che cái khờ dại sau tiếng « *ban bạch* ». Bởi vậy, xin mời các bạn chịu khó ít phút để theo tôi trong một vài đoạn khô khan,

Kỳ sau sẽ tiếp : 2· CÁI VÒNG LẦN QUẦN.

DR TRẦN-HỮU-NGHIỆP

ĐÁ CỔ BÁN

Thi-văn bằng chữ Hán ở Namkỳ không có đả lâu. Nay Đặng-thúc-Liêng tiên-sanh mới xuất bản một tập : « Tiểu Phù viên, Hán-văn, Thi-văn Toàn-Tập ». Trong tập ấy ghi chép những lời ngâm vịnh từ Bắc qua Tàu và trở về Namkỳ, nhiều lối tiêu tao nhả thú lắm.

Các bạn thông Hán-văn, tưởng nên xem qua cho biết. Giá mỗi tập : 0$50

Sách có để bán tại Bổn-quán, số 5 đường Reims, và tại nhà riêng Đặng tiên-sanh, số 69 đường National Grimaud, Saigon.

https://tieulun.hopto.org

bằng cây ! » Ba anh em đồng cảm tình, ngó nhau mà khóc. Bèn không chia của nửa, cây tử kinh trỡ lại tươi tốt như xưa !

Cây cỏ là vật vô tình, còn biết quyến luyến đồng khi. Con người ta có tâm tư, có nảo thức, mà vì chút lợi quyền hơn thiệt, nỡ lòng chia lìa xương thịt, chẳng e cây cỏ nó cười hay sao ?

Tuy rằng sống mỗi người mỗi nhà, thác mỗi người mỗi mồ, anh em cũng ai phận nấy, xưa nay chưa dễ có mấy nhà ăn chung để lộn với nhau trọn đời được, nhưng trong lối anh em đối với phần tài sản, thì nên nhường nhịn cùng nhau, miễn đừng vì cớ tài sản mà sanh mối bất hòa, rồi gây nên cái loạn thương luân bại lý.

Cái loạn thương luân bại lý do sự tranh giành tài sản đó, càng ở các nhà sang giàu lại càng nẩy sanh ra những thảm họa ghê-gớm, vì cái quyền lợi lớn ở đó, luân-lý khó lòng mà ràng-buộc được nhau ; cho nên ở nhà bình dân thì đánh nhau, cãi nhau, kiện-cáo nhau, cũng đã là quá rồi ; chớ ở nhà sang giàu thì đến đâm chém giết nhau, để giành lấy quyền-lợi. Hảy trải xem lịch sử mà ngẫm coi các bậc đế vương đời trước trong nước Việt Nam ta :

Về đời nhà Đinh, Đinh-Liễn giết em là Hạng-Lang để giành ngôi vua ; nhưng chẳng bao lâu thì Đinh-Liễn bị Đỗ-Thích thí đi, rồi nhà Đinh cũng mất.

Qua đời nhà Tiền-Lê thì Long-Đĩnh giành ngôi vua mà giết anh là Long-Việt ; nhưng Long-Đĩnh làm vua được có bốn năm thì chết, mà nghiệp Lê cũng tiêu.

Cho đến đời Tây sơn, anh em chúa Nguyễn là Nguyễn-Nhạc, Nguyễ -Huệ cũng vì giành quyền lợi đế vương mà cữ binh đánh nhau. Nguyễ -Nhạc thế yếu, đứng trên mặt thành kêu Nguyễ - Huệ khóc rằng : « *Nồi da xáo thịt, sao mà lòng em nỡ vậy* ? » Huệ nghe lời cảm động, mà lui binh giảng hòa. Nhưng Tây-sơn từ đó lần suy, chẳng bao lâu cơ đồ cũng đổ về nhà Hoàng Nguyễn.

Nấu hột đậu đun bằng nhành đậu,
Đậu trong nồi đau đớn khóc la :
Vốn cùng một rễ sanh ra,
Đốt nhau nóng quá ! sao mà nỡ thay !

Đó là diễn bài thơ *Huynh đệ tương tàn* của thi sĩ Tào-Thực-Kiến, để biểu dương cái dã tâm của các nhà anh em tương tàn bại lý !

https://tieulun.hopto.org

Nếu lợi quyền có hưởng được trọn, thì họ hãy nên đốt quách các chương sách *Huynh đệ luân lý* đi mà ngồi nuốt miếng đỉnh chung phú quí cho ngon. Nhưng đạo trời chẳng xa, họ nuốt nào có trôi đâu, thì anh em lại nên ngoảy đầu lại mà học theo luân lý.

Học theo luân lý, thì nên ôn lại câu người xưa đã nói rằng :« *Cái phần khó được là anh em, cái phần dễ được là tài sản* ». Vậy chớ nên vì tài-sản mà sơ-bạc anh em, khá tua nhường nhịn cho nhau, giữ lấy thói nhà nền nếp. Kẽ đả hiểu nghĩa đó thì chẳng những không tham chiếm di sản cũa cha mẹ, dầu là tư sãn cũa mình cũng đem chia sớt cho anh em.

Phải nghĩ rằng người trong thiên hạ thì nhiều, chớ kẻ đồng bào với mình thì không có mấy. Cho nên anh em phải nên hữu ái, ngó nhau như hình với bóng, như tiếng với vang, chẳng nên có một chút nào chia rẽ. Vì là thể chung cũa cha mẹ, chớ chẳng phải như tình quyến thuộc họ xả.

Tình gần thì trông nhờ nhiều, trông nhờ nhiều thì nhiều bề trách oán, mà dầu sao thì mình củng nên dung nhẫn. Nếu gặp lúc anh em nghèo khó, hay là anh em có hoạn nạn, tự mình nên hết lòng cứu giúp, rất chẳng nên tiếc của, tiếc sức mà bỏ anh em chẳng nhìn. Dầu nếu anh em rầy rà sách nhiễu hoài hoài, thậm đến đỗi trách móc cắn nhằn, mình củng chỉ nên nhẫn nại và liệu thế vỗ về, chớ chẳng nên nhơn đó mà bỏ tình ruột thịt. Hảy thữ coi anh em vua Đại-Thuấn thuở xưa là chú Tượng, hằng ngày những lăm le muốn giết anh đặng đoạt cả vợ con và tài sản, địa vị của anh, thế mà vua Thuấn vẫn một niềm thân yêu, khiến cho em mình phải cảm lòng mà ăn năn. Huống chi anh em cũa mình ngày nay dầu sao cũng chưa đến đỗi bạc ác như chú Tượng, mà há nên tuyệt tình thân yêu và đem lòng hờn giận hay sao?

Trong sách, thi dụ tình người ta rất thân yêu nhau, thường nói rằng :« *Như anh như em* » ; thi dụ tình anh em rất thân yêu nhau thường nói rằng : « *Như tay như chơn* », thì thấy rằng anh em nguyên là bốn thể rất thân yêu, có anh chẳng nên không em, có em chẳng nên không anh, anh anh em em, tô màu hòa khí trong gia-đình, cha mẹ ngó thấy cũng vui lòng hả dạ.

Có kẻ lòng dạ mê tối, động chút thì anh em liền ngang trái với nhau, có lẽ trong ý họ muốn cha mẹ riêng tây cho một mình họ hay sao? Nếu cha mẹ riêng tây cho họ một mình, thì e họ lại thành cái thế cô độc; hãy thữ coi hai chữ *anh em ở* trong sách vẫn thường đi cặp chớ có khe-cách nhau bao giờ đâu.

(Còn nữa)

https://tieulun.hopto.org

GIA-LONG PHỤC-QUỐC

DIỄN-CA

của ĐẶNG-THÚC-LIÊNG

(Tiếp theo và hết)

Năm Định vị (1787) nghe tin Nhạc-Huệ,
Em nghịch anh chia rẻ phong cương.
Người Trung-đế, kẻ Bắc-vương (1),
Họa tai sẽ thấy tiêu tường biến sanh (2).
Có khách Cu-A thành tìm lại,
Bồ-đào-Nha phụng phái sứ thần.
Thiệp xưng là «Lối-An Tân»,
Quốc-thơ lễ vật đem dưng hệ rồng.
Tâu rằng : có Đông-cung cầu viện,
Quân đội tôi tình nguyện trợ chinh.
Sẵn năm mươi sáu thuyền binh,
Còn chờ lịnh thánh ở thành Cu-A.
Xin Hoàng-thượng dời ra Bắc-quốc,
Cùng chúng tôi hiệp lực đồ nam (3).
Vua Xiêm nghe trái lòng tham (4),
Sanh tình đố kỵ luận đàm không vui.
Lịnh trên tính tới lui rất khó,
Cùng An-Tân mật vụ trở về.

---

(1) Nguyễn-Nhạc lấy tỉnh Quảng-Nghĩa trở vô Nam, xưng đế ở tỉnh Bình-Định. Nguyễn-Huệ xưng Bắc-bình-vương ở Phú-xuân (kinh đô bây giờ).

(2) Họa vắc ngang chỗ cung cấm nhà vua.

(3) Chim bằng bay lên chín muôn dặm tinh qua Nam minh, ví người có chí viễn đại.

(4) Vua Xiêm thấy người Bồ-đào-Nha qua rước Cao-hoàng có ý giành công nên nghịch ý không vui.

https://tieulun.hopto.org

Hiệp Xiêm đã chẳng ích gì,
Từ Bồ nghẻ cũng trăm bề phân vân.
May đâu gặp Giám quân Phúc-Đạm,
Đem tình hình mật thám tâu qua.
Tây san nay đã bất hòa,
Riêng than : xáo thịt nồi da tanh bành.
Tướng Trấn đả đem binh cứu Nhạc (1).
Gia định thành thế nhược phòng sơ.
Gặp khi cơ hội khả thừa,
Nếu lo tấn thủ bây giờ thành công.
Nghe lời tấu chính trùng đẹp dạ,
Liền ngự thơ từ tạ Xiêm hoàng,
Quần-thần cung quyến vầy đoàn,
Thừa đêm vắng vẽ xuống thoàn kịp lui.
Đêm thu quạnh mịt mù sóng giờ,
Rỗng xa bay như trỗ trời xanh,
Bắc-nam (2) đã cách Xiêm-thành,
Dựa hòn Cô-cốt tạm đình nghỉ quân.
Có Thanh-tướng Hỹ-Văn (3) đón rước,
Đem binh thuyền ra rước Thánh-hoàng.
Lịnh trên ban chức cho chàng,
Tướng-quân tuần bãi, hộ đàng chinh tây.
Tới Long-Xuyên dịp may hội ngộ,
Nguyễn-văn-Trương binh bộ thỉnh hùng.
Thêm người trí dõng song toàn,

---

(1) Huệ đem binh đánh Nhạc ở Qui-nhơn ; Nhạc bị Huệ bắn vào thành, đạn súng thần công rớt như mưa. Nhạc khốc cáo vào miếu thờ cha rồi kêu Huệ nói rằng : « Bi hoa chú nhục » (nồi đa xáo thịt) em nỡ lòng nào !

(2) Cửa biển thuộc Xuân.

(3) Hạ-hỹ-Văn người tỉnh Tứ-Xuyên đầu đãng Thiên-Địa-Hội.

https://tieulun.hopto.org

Anh hùng Võ-Tánh (1) một đoàn lai qui.
Bốn phương ứng, thiên oai sấm dậy,
Ba quân tề, tướng sĩ mây giăng.
Vừa năm thứ chín Mậu-Thân (1788),
Thâu hồi Gia-Định ba lần tài thay.
Sông «Ngưu» lặn, ba ngày trong vắt (2),
Điềm « thánh-nhân sanh » chắc từ đây.
Truân chuyên mười bốn (3) năm trường,
Dựng nên nghiệp cả một ngày trùng quang.
Rồi mở rộng Nam bang toàn cảnh,
Nghỉ mà thương lực tĩnh nhân-tâm.
Tố xưng trung nghĩa (4) chẳng lầm,
Chép đây luống những tũi thầm cho ai !

---

(1) Gia định Tam hùng : Võ Tánh, Đỗ thanh-Nhân, Châu văn Tiếp.

(2) Sử chép : « Ngưu chử hà thanh tam nhựt » là sông Ngưu nước trong 3 ngày. Cổ ngữ thì : « Hoàng hà thanh, thánh nhân sanh » là sông Hoàng trong, người thánh sanh.

(3) Kể từ mùa Xuân năm Ất-vị 1775 tới năm Mậu-thân 1778.

(4) Ngự phê « Nam-kỳ tố xưng Trung-Nghĩa ».

CHUNG

GIÁ BÁO

Một năm. . . .	8$00
Sáu tháng . . .	5.00
Mỗi số.	0.40

Mua tập chí phải trả tiền trước

Mandat xin đề cho :
HỒ-VĂN KỲ-TRÂN
Quản-lý :
ĐẠI-VIỆT TẠP-CHÍ
5, Rue de Reims 5 — SAIGON

https://tieulun.hopto.org

ÁI-TÌNH MIẾU

TIỂU-THUYẾT CỦA HỒ BIỂU-CHÁNH

(*Tiếp theo*)

CÁM ơn anh. Theo như lời anh nói đó, thì lập gia-đình là cái nghĩa-vụ trọng nhứt của con người. Hèn chi ba em cứ muốn gả em lấy chồng hoài. Không biết cái nghĩa-vụ ấy anh có để ý tới hay không ?

Phúc dụ dự một chút rồi mới đáp :

— Tôi để ý lung lắm, vì để ý nên tôi mơi khổ tâm chớ.

— Lập gia-đình là có vợ con, có nhà cửa, nối nghiệp cho cha mẹ, nối dòng cho tổ-tiên, làm đầm ấm cho xả-hội, làm an ổn cho quốc-gia. Con người phải làm cái nghĩa-vụ ấy mơi trọn đạo làm người, trí mới thơ thới, sự sống mới có ý nghĩa. Sao anh để ý đến gia-đình mà anh lại khổ tâm ?

— Vì tôi phải nhượng cái nghĩa-vụ ấy cho người khác, tôi không thế làm được.

— Nếu mỗi người đều làm như anh, ai cũng trốn lảnh không chịu lảnh cái nghĩa vụ lập gia-đình, thì còn gì xả-hội, còn gì quốc gia ? Theo ý em tưởng con người trước hết phải lo làm cho tròn cái đạo làm người, không được viện lẻ gì mà thối thác nghĩa vụ ấy. Bữa nay nhờ có anh cắt nghĩa em mới thấu hiểu ý của ba em. Vậy thì em phải vâng theo ý ấy, em không dám cãi nữa.

— Ở đời có nhiều nghĩa vụ phải làm, nhưng vì vận hội xui khiến mình không làm được thì phải chịu, Cô chịu lập gia-thất, ấy là một đều hiệp nghĩa. Tôi khuyên cô phải làm. Còn phận tôi, thì tôi chắc tôi không thế làm được.

Hết lời cãi nữa, cô Lý lắc đầu mà đứng dậy. Phúc thấy đã trưa rồi nên khuyên cô Lý về, kẻo vợ chồng Trường nhọc lòng chờ ăn cơm. Phúc nắm ngựa giùm cho cô Lý leo lên lưng rồi hai người song song trở về nhà.

Tối bữa ấy cô Lý vô phòng mà thuật chuyện đi chơi với Phúc cho vợ chồng Trường nghe, nhứt là thuật rõ các câu chuyện cũa Phúc nói, không bỏ sót một ý nào hết.

https://tieulun.hopto.org

Trường nghe rồi thì lắc đầu nói : « Bịnh của anh Phúc tôi tưởng không có thuốc gì mà cứu được. Ảnh thất tình đến nỗi thấy cãnh đẹp không biết vui, thấy gái đẹp không động lòng, thế thì mình phải chịu thua, đừng trông mong gở mối sầu cho ảnh nữa ».

Cô Mỷ nói : « Anh Phúc đi chơi với mình hồm nay, em thấy tánh nết ảnh, em nghe ảnh nói chuyện, thì thiệt quả ãnh là một người cao thượng đúng đắn, đáng kính đáng trọng. Vậy mình phải rán làm sao mà gở mối sầu cho ảnh, chớ bỏ ãnh khổ não trọn đời thì tội nghiệp lắm. »

Trường hỏi : « Biết làm sao bây giờ ? »

Cô Lý suy nghỉ rồi nói: «Em thấy còn một thế khác nữa. Hồm nay mình muốn giải buồn cho anh Phúc mà mình cứ chăm lo làm cho ảnh cãm về tâm hồn mà thôi. Làm như vậy không cãm ảnh được. Thôi mình bỏ cách đó đi, phãi lập thế làm cho ảnh cãm về hình thức thữ coi có kết quả hay không. Chừng về Saigon, anh Trường rán cầm anh Phúc ở lại chơi ít bữa, rồi mình dắt ãnh đi xem hát, đi khiêu võ, mình cho ảnh nếm các cuộc vui về hình thức, làm như vậy thữ coi ảnh có biết vui hay không ».

Trường lắc đầu đáp :

— Anh Phúc có bịnh về tâm hồn. Cái đẹp, cái vui tự nhiên của trời đất mà còn không làm cho ảnh cãm xúc, thì cái đẹp cái vui lạm xạm của loài người làm sao mà đổi trí ảnh được.

— Nếu mình cho ảnh nếm cuộc vui về hình thức mà ảnh không biết vui, thì em còn một phương thế khác nữa.

— Phương thế gì ? Cô nói cho tôi nghe thữ coi.

— Mình lập thế cho ảnh giáp mặt với cô Hạnh. . . . .

— Úy ! Hiểm nghèo lắm ! Sợ sanh sự không tốt.

— Anh Phúc cũng như người có mụt ghẽ, đau đớn nhức nhối ngầm ngầm hoài. Mồ phứt mụt ghẻ ấy một lần cho rồi. Mồ thì chắc ãnh đau lắm, mà đau rồi lành bịnh thì không sợ gì.

Vợ chồng Trường đồng khen cô Lý tính hay và hứa chừng về Saigon sẽ cầm Phúc ở lại chơi ít bữa.

Ở nghỉ trên Đàlạt đúng 15 ngày rồi bốn người mới lên xe trở về Saigon.

.'.

https://tieulun.hopto.org

VI

Ở ĐÀ LẠT đi về dọc đường, cô Lý ân-cần mời vợ chồng Trường với Phúc chiều bữa sau lên nhà cô mà dùng một bữa cơm tối với cô rồi đi xem hát, muốn xem hát bóng, hát bộ hay là hát cải-lương tùy ý Trường với Phúc định. Phúc nói đi chơi lâu quá sợ mẹ ở nhà trông, nên không dám nhậm lời của cô Lý mời, tính hễ về tới Saigon thì đi liền về Bến-súc. Cô Lý theo năn-nỉ, nói anh em biết nhau mà không đến nhà thì tình lợt lạt, cô xin Phúc rán ở thêm một vài bữa đặng lên ăn cơm cho biết nhà cô và biết ông thân cũa cô, rồi khi nào rảnh cô củng sẽ đi với vợ chồng Trường lên Bến-súc mà thăm Phúc cho biết vườn rẫy và biết bà thân cũa Phúc. Vợ chồng Trường cũng tiếp với cô Lý mà cầm Phúc ở lại chơi vài bữa nữa, hứa rồi sau sẻ cho xe đưa Phúc về, ba người nói quà làm cho Phúc phải xiêu lòng không cãi nữa, song củng chưa chịu hứa lời.

Đến chiều xe về tới nhà Trường. Bồi đưa một phong thơ cho Phúc, nói thơ mới lại hồi sớm mơi nên để đó không gởi lên Đàlạt cho Phúc. Phúc xé thơ ra coi thì là thơ cũa mẹ gởi, nói việc nhà bình an như thường và khuyên Phúc cứ vui chơi chẳng cần phải lo về gấp.

Vợ chồng Trường với cô Lý hay tin ấy thì vui mừng, theo ép riết Phúc phãi ở lại. Phúc cùn đường, không còn mượn cớ nào mà cáo từ nữa được, nên phải chịu.

Hôm mới xuống Saigon, Phúc đi mua đồ, có đặt may hai bộ đồ Tây trắng với một bộ tussor. Khi đi Đàlạt có để giấy và để bạc lại cho bồi lấy áo quần ấy rồi bỏ giặt sẳn cho Phúc.

Bữa nay sữa-soạn đi lên nhà cô Lý mà ăn cơm với vợ chồng Trường, Phúc mặc bộ đồ tussor mới, chơn mang giày da láng, cổ thắt régate màu tiếm có đốm trắng, nên hình dạng coi không còn một điểm nhà quê nào nữa, giống hệt người Saigon đến 100 phần 100. Trường thấy vậy thì nói pha lững :

— È ! Phúc, toa mặc đồ đó thì phãi ở luôn dưới Saigon đặng ngồi nhà-hàng, đi khiêu-võ, hoặc đi trường-đua, chớ toa về Bến-súc đi trong vườn coi không được.

— Moả đặt may lở rồi, nầy giờ moả bận thữ moả ăn-năn lắm.

— Tại sao mà toa ăn năn ?

— Trong ruột đã khô khốc, mà ngoài vỏ trau chuốt cho láng nhuốt có ích gì.

https://tieulun.hopto.org

— Không biết chừng nhờ cái vỏ láng nhuốt đỏ nó làm cho cái ruột đượm nhuần hết khô nữa.

— Không chắc.

— Để thí-nghiệm rồi sẽ biết.

Sửa soạn xong rồi, gần tối, vợ chồng Trường với Phúc mới lên xe mà đi lên nhà cô Lý trên Phú-nhuận.

Biệt-thự của ông Thinh là một cái nhà lầu, tuy nhỏ song kiểu vở tối tân, trước có sân rộng để trồng bông, sau có vườn trồng xoài mít rậm rợp.

Cô Lý xin phép trước với cha mà rước khách. Ông Thinh có ý muốn con lấy chồng cho sớm, tưởng vợ chồng ông giáo-sư Trường sắp đặt đặng chồng coi con mình, bởi vậy ông cho phép liền, mà lại dặn con phải sửa soạn cuộc tiếp khách cho xứng đáng, cho khỏi người ta chê cười.

Xe cũa Trường chạy vô sân thì thấy trong nhà đèn đốt sáng lòa, ghế bàn chưng dọn hực hở. Xe ngừng, vợ chồng Trường với Phúc bước ra, thì cô Lý mặc quần áo trắng lớp, trang điểm thiệt đẹp, đả xuống thềm tiếp rước, mặt mày vui vẻ, miệng cười rất có duyên. Cô ngó Phúc, khen bộ đồ Tussor may khéo, rồi mời khách vô nhá.

Ông Thinh tóc đã bạc hoa-râm mà ông chải gỡ láng nhuốt, răng đã rụng ba cái mà ông trám răng giả nên không ai dè ; ông mặc một bộ đồ Tây nĩ xám, chơn mang giày vàng, cổ thắt régate rằn-ri, mép cạo ráu láng bóng, bộ tướng coi sắc lếm như trai mới lớn lên. Ông đương ngồi tại sa-lông, thấy khách vô thì ông đứng dậy tiếp chào. Cô Lý trình diện mỗi người cho cha biết rồi mới ngồi và liếc mắt dạy bồi đem nước đá đặng dùng rượu khai vị.

Ông Thinh tưởng Phúc là người muốn xin cưới con mình nên cứ ngó Phúc rồi hỏi :

— Ông đây gốc gác ở đâu ?

— Dạ, cháu ở trên Bến súc.

— Ông cụ bà cụ còn song toàn ?

— Dạ, cháu mồ côi cha, chĩ còn có bà mẹ mà thôi.

— Ông làm việc chi ở đâu ?

— Dạ, cháu làm vườn làm rẫy ở nhà.

Ông Thinh ngó hai bàn tay của Phúc rồi ông cháu mày.

Trường biết Phúc bị tra vấn thì bực mình lắm, tính kiếm thế cản ông Thinh cho hết nhọc lòng Phúc, nên hỏi ông :

— Năm nay cuộc buôn bán của bác phát đạt hơn mấy năm trước hay không ?

https://tieulun.hopto.org

— Dễ chịu.

— Đời nầy cháu coi duy có nghề thương-mải thì sung-sướng hơn hết, có lợi nhiều mà lại khỏi ai kềm thúc.

— Phải. Nhưng mà buôn bán phãi biết trào trỡ mới được, chợ lù đù quá, thì đã không có lợi mà lại còn sợ phải bị hại.

Cô Lý nghe câu chuyện không vui, mà cô còn muốn ăn cơm cho mau đặng có đi xem hát, bởi vậy cô bối bời sắp đặt riết rồi mời cha với khách qua phòng ăn.

Câu chuyện ngoài phòng khách nảy giờ còn kéo luôn vô phòng ău nửa, bởi vậy cái không khi buồn bực cũng không đổi được.

Ăn mới nữa bữa kế nghe có tiếng xe hơi vô sân. Huờn là một thương gia ở trong Chợlớn, tuy trẽ tuổi, song là bạn thiết cũa ông Thinh, thường ngày hay tới rũ ông đi chơi, đi lốp bốp vô phòng khách, đứng dòm qua phòng ăn, thấy có khách đông thì cúi đầu chào, rồi hỏi ông Thinh :

— Ông ăn cơm hay sao ? Ăn gì sớm dữ vậy ?

— Có khách nên ăn sớm.

— Vậy tôi tính ra rước ông đi ăn cơm rồi đi chuyện khác nữa.

— Tôi mắc có khách, đi không được.

— Mời ông bước qua bên nầy đặng tôi nói chuyện riêng một chút.

Ông Thinh đứng dậy đi qua phòng khách. Huờn nói nhỏ chuyện gì với ông đó không biết, mà ông trở qua cáo lỗi với khách đặng ông đi, vì có chuyện quan hệ lắm cần phải tính gấp. Huờn hớn hở ngó cô Lý mà nói : « Em Lý ăn cơm cho no nghe hôn. Tôi xin mấy ông bà tha lỗi ».

Huờn cúi đầu chào chung, rồi ra cũa lên xe mà đi với ông Thinh

Câu chuyện cũa ông Thinh không hạp với tri ý của Trường và Phuc nên cuộc hội hiệp đả mất thú-vị rất nhiều, mà còn thêm Huờn đến làm lộn xộn phá đám nữa, thì bữa ăn cô Lý tính sẽ làm cho có vẻ thân mật mà long trọng hóa ra bữa ăn xao xiếng chẳng khác nào trong mấy tiệm cao-lầu.

Cô Mỹ thấy cô Lý có sắc buồn thì hỏi :

— Không biết có việc chi quan - hệ mà người ta mời bác đi gấp dữ vậy ?

— Đi chơi chớ có việc chi đâu.

— Không lẻ.

(Còn nữa)

Imprimerie THẠNH MẬU
3, rue de Reims — Saigon

L'Administrateur Gérant
— HỒ VĂN KỲ-TRÂN

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org